

KẾT QUẢ THI TUYỂN VÒNG 1 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2019

NHÂN VIÊN TRƯỞNG HỌC THUỘC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO; SỰ NGHIỆP Y TẾ - XÃ HỘI; SỰ NGHIỆP VĂN HÓA - THỂ THAO; SỰ NGHIỆP KHÁC; HỘI ĐẶC THÙ THUỘC TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đặc tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	QN0001	Phạm Thị Nhung		30/12/1989				Nhân viên Giáo vụ	Trường PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	44	18	26	Đạt	
2	QN0002	Bùi Quỳnh Nga		06/12/1984			x	Nhân viên Thư viện	Trường PT DTNT Tỉnh Quảng Ninh	Sở Giáo dục và Đào tạo	35	Miễn	26	Đạt	
3	QN0003	Tạ Thị Thủy Dung		09/06/1995				Nhân viên Giáo vụ	Trường PT DTNT Tỉnh Quảng Ninh	Sở Giáo dục và Đào tạo	29	17	13	Không Đạt	
4	QN0004	Lê Thị Hương		27/06/1990				Nhân viên Giáo vụ	Trường PT DTNT Tỉnh Quảng Ninh	Sở Giáo dục và Đào tạo	35	17	16	Đạt	
5	QN0005	Phạm Thị Bích Thảo		13/09/1995				Nhân viên Giáo vụ	Trường PT DTNT Tỉnh Quảng Ninh	Sở Giáo dục và Đào tạo	36	22	21	Đạt	
6	QN0006	Hà Minh Hoan	10/09/1991				x	Nhân viên Thiết bị thí nghiệm	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	38	Miễn	17	Đạt	
7	QN0007	Nguyễn Thị Báu		02/01/1987				Nhân viên Thiết bị thí nghiệm	Trường THPT Đông Triều	Sở Giáo dục và Đào tạo	31	17	21	Đạt	
8	QN0008	Nguyễn Đức Khoa	27/4/1988					Nhân viên Thiết bị thí nghiệm	Trường THPT Hòn Gai	Sở Giáo dục và Đào tạo	37	19	24	Đạt	
9	QN0009	Ngô Thị Thu Hương		20/05/1980				Nhân viên Y tế kiểm vấn thư	Trường THPT Hòn Gai	Sở Giáo dục và Đào tạo	26	16	24	Không Đạt	
10	QN0010	Cao Thị Thu Giang		20/12/1979			x	Nhân viên Thiết bị thí nghiệm	Trường THPT Lê Hồng Phong	Sở Giáo dục và Đào tạo	38	Miễn	25	Đạt	
11	QN0011	Lê Thu Huyền		16/08/1991				Nhân viên Văn thư kiểm thủ quỹ	Trường THPT Lý Thường Kiệt	Sở Giáo dục và Đào tạo	20	13	25	Không Đạt	
12	QN0012	Bùi Mỹ Hạnh		09/01/1990				Nhân viên Thủ quỹ kiểm vấn thư	Trung tâm hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	38	23	27	Đạt	
13	QN0013	Lê Quang Huy	25/07/1994		Người hoán thành nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân			Kiểm lâm viên trung cấp Lâm việc tại bộ phận Tổ Khoa học kỹ thuật	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	35	17	28	Đạt	
14	QN0014	Hoàng Thị Hưng		13/11/1989				Kiểm lâm viên trung cấp kiểm tiếp nhận nguồn vốn đầu tư lâm việc ở bộ phận tổng hợp	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	36	23	27	Đạt	
15	QN0015	Hoàng Viết Thắng	10/12/1984					Thực hiện nhiệm vụ quản lý sử dụng đất đai lâm việc tại bộ phận Tổng hợp	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37	18	27	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
16	QN0016	Nguyễn Phú Hùng	10/6/1989					Thực hiện nhiệm vụ quản lý sử dụng đất đai làm việc tại bộ phận Tổng hợp	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	41	17	25	Đạt	
17	QN0017	Lê Hoa Huệ		06/8/1984				Kiểm lâm viên trung cấp kiểm văn thư làm việc tại bộ phận tổng hợp	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	36	20	22	Đạt	
18	QN0018	Lưu Thị Hồng Nhung		02/10/1993				Đội tuyển truyền lưu động	Trung tâm văn hóa điện ảnh	Sở Văn hóa và Thể thao	39	12	22	Không Đạt	
19	QN0019	Nguyễn Ánh Ngọc		03/11/1988				Đội tuyển truyền lưu động	Trung tâm văn hóa điện ảnh	Sở Văn hóa và Thể thao	24	14	20	Không Đạt	
20	QN0020	Nguyễn Thị Diên		20/4/1990				Thực hiện công tác y tế chăm sóc sức khỏe cho trẻ em tại Cơ sở	Cơ sở Bảo trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	49	17	18	Đạt	
21	QN0021	Vũ Thị Lan Anh		29/6/1995				Thực hiện công tác y tế chăm sóc sức khỏe cho trẻ em tại Cơ sở	Cơ sở Bảo trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	23	14	11	Không Đạt	
22	QN0022	Nguyễn Thị Hằng		15/9/1991				Thực hiện các hoạt động văn hóa và giáo dục nâng cao tri thức trẻ em tại Cơ sở	Cơ sở Bảo trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	37	18	17	Đạt	
23	QN0023	Đỗ Đức Hoàng	03/11/1992					Nhân viên phòng Y tế- Phục hồi sức khỏe: Khám, điều trị bệnh cho đối tượng	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	37	18	18	Đạt	
24	QN0024	Võ Văn San	17/9/1991					Nhân viên phòng Y tế- Phục hồi sức khỏe: Khám, điều trị bệnh cho đối tượng	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	43	16	18	Đạt	
25	QN0025	Bùi Văn Vương	12/8/1992					Nhân viên phòng Y tế- Phục hồi sức khỏe: Khám, điều trị bệnh cho đối tượng	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	37	17	17	Đạt	
26	QN0026	Ngô Thị Bích Ngọc		10/3/1993				Nhân viên phòng Y tế- Phục hồi sức khỏe: Khám, điều trị bệnh cho đối tượng	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	45	17	18	Đạt	
27	QN0027	Vũ Viết Duẩn	21/11/1991					Nhân viên phòng Y tế- Phục hồi sức khỏe: Khám, điều trị bệnh cho đối tượng	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	29	12	20	Không Đạt	
28	QN0028	Phạm Anh Khánh	01/4/1996					Nhân viên phòng Y tế- Phục hồi sức khỏe: Điều dưỡng chăm sóc sức khỏe cho đối tượng	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	51	24	18	Đạt	
29	QN0029	Đào Phúc Hải	08/02/1964					Kiểm soát phương tiện Việt Nam và Trung Quốc khi qua lại cửa khẩu; Cập nhật phương tiện Việt Nam và Trung Quốc xuất nhập cảnh	Trạm Quản lý vận tải quá cảnh đường bộ Việt - Trung	Sở Giao thông vận tải	36	24	19	Đạt	
30	QN0030	Đinh Thọ Tuấn	07/09/1968					Kiểm soát phương tiện Việt Nam và Trung Quốc khi qua lại cửa khẩu; Cập nhật phương tiện Việt Nam và Trung Quốc xuất nhập cảnh	Trạm Quản lý vận tải quá cảnh đường bộ Việt - Trung	Sở Giao thông vận tải	30	23	20	Đạt	
31	QN0031	Trần Thị Minh Thu		18/9/1991				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	43	25	19	Đạt	
32	QN0032	Trần Thị Thanh Hải		19/12/1991				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	46	26	19	Đạt	



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2			5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
33	QN0033	Nguyễn Thị Dung		11/01/1990				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	37	23	16	Đạt	
34	QN0034	Hà Thị Thủy		30/10/1991				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	48	26	19	Đạt	
35	QN0035	Phạm Thị Thảo Ninh		24/6/1992				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	26	21	18	Không Đạt	
36	QN0036	Nguyễn Thị Liễu		10/2/1990				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	47	26	19	Đạt	
37	QN0037	Nguyễn Thị Yến		22/12/1985			x	Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	38	Miễn	19	Đạt	
38	QN0038	Nguyễn Thị Liệu		17/1/1986				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	45	27	19	Đạt	
39	QN0039	Lê Thị Lệ		15/2/1991				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	46	27	19	Đạt	
40	QN0040	Phạm Thị Hằng		3/11/1992				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	45	25	18	Đạt	
41	QN0041	Nguyễn Thị Ngọc Lan		11/2/1982				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	34	25	19	Đạt	
42	QN0042	Phạm Thị Thủy		8/10/1992				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	47	26	19	Đạt	
43	QN0043	Vũ Thị Tho		14/8/1988	Con thương binh			Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	33	24	18	Đạt	
44	QN0044	Phạm Thị Thu Hương		21/10/1991				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	46	26	19	Đạt	
45	QN0045	Lê Thị Thu Thủy		31/8/1989				Làm công tác điều dưỡng tại các khoa: Bán cấp tính nữ, bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	32	24	20	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
46	QN0046	Châu Minh Hạnh		9/7/1991				Xét nghiệm	Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	48	26	22	Đạt	
47	QN0047	Ngô Thủy Dương		03/02/1996				Điều dưỡng chăm sóc	Trung tâm bảo trợ tâm thần, Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	39	24	19	Đạt	
48	QN0048	Bùi Thu Hằng		16/10/1997				Điều dưỡng chăm sóc	Trung tâm bảo trợ tâm thần, Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	26	20	18	Không Đạt	
49	QN0049	Lê Anh Đào		10/3/1992				Vệ sinh, chăm sóc bệnh nhân	Trung tâm bảo trợ tâm thần, Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	30	24	18	Đạt	
50	QN0050	Phạm Thị Thảo		23/11/1991				Vệ sinh, chăm sóc bệnh nhân	Trung tâm bảo trợ tâm thần, Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	36	22	17	Đạt	
51	QN0051	Đặng Thị Thanh Hương		18/6/1990				Vệ sinh, chăm sóc bệnh nhân	Trung tâm bảo trợ tâm thần, Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	33	24	17	Đạt	
52	QN0052	Nguyễn Thị Nhó		12/12/1982				Vệ sinh, chăm sóc bệnh nhân	Trung tâm bảo trợ tâm thần, Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	47	26	9	Không Đạt	
53	QN0053	Nguyễn Thị Thủy		24/3/1990				Vệ sinh, chăm sóc bệnh nhân	Trung tâm bảo trợ tâm thần, Bệnh viện bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	30	23	11	Không Đạt	
54	QN0054	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		15/09/1996				Thực hiện công tác lấy mẫu xét nghiệm tại khoa Hóa sinh và vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	37	22	20	Đạt	
55	QN0055	Nguyễn Minh Phương	25/09/1990					Thực hiện công tác lấy mẫu xét nghiệm tại khoa Hóa sinh và vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	44	23	17	Đạt	
56	QN0056	Nguyễn Văn Thương	10/09/1989					Thực hiện công tác lấy mẫu xét nghiệm tại khoa Hóa sinh và vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	44	23	20	Đạt	
57	QN0057	Trần Văn Tùng	06/02/1993					Thực hiện công tác lấy mẫu xét nghiệm tại khoa Hóa sinh và vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
58	QN0058	Lê Anh Minh	31/01/1991					Phụ khám nghiệm tử thi, khám giám định thương tích, thực hiện kỹ thuật xét nghiệm Giải phẫu bệnh, hỗ trợ thi hành án tử hình	Trung tâm Pháp y	Sở Y tế	38	22	22	Đạt	
59	QN0059	Bùi Thị Mai		03/07/1991				Vận hành hệ thống xét nghiệm ethanol	Trung tâm Pháp y	Sở Y tế	44	23	18	Đạt	
60	QN0060	Ngô Thị Hoài Thương		15/10/1991				Kỹ thuật viên thực hiện công tác kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng tại phòng chuyên môn	Trung tâm Kiểm nghiệm	Sở Y tế	35	22	21	Đạt	
61	QN0061	Chu Xuân Cường	03/7/1993		Dân tộc Tây	x		Theo dõi, quản lý công tác Dân số	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	33	18	Miễn	Đạt	
62	QN0062	La Thị Huệ		03/5/1995	Dân tộc Tây	x		Theo dõi, quản lý công tác Dân số	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	40	22	Miễn	Đạt	
63	QN0063	Trần Thị Lan		01/7/1994	Dân tộc Tây	x		Theo dõi, quản lý công tác Dân số	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	49	21	Miễn	Đạt	



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
64	QN0064	Mạ Quốc Mạnh	16/01/1993		Dân tộc Tày	x		Theo dõi, quản lý công tác Dân số	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	31	21	Miễn	Đạt	
65	QN0065	Dường Cẩm Phu	12/07/1993		Dân tộc Dao	x		Theo dõi, quản lý công tác Dân số	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	49	20	Miễn	Đạt	
66	QN0066	Vi Thị Hà		18/01/1998	Dân tộc Tày	x		Theo dõi, quản lý công tác Dân số	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	36	20	Miễn	Đạt	
67	QN0067	Lô Thị Thủy		01/02/1996	Dân tộc Tày	x		Thực hiện công tác xét nghiệm	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	50	24	Miễn	Đạt	
68	QN0068	Nguyễn Thị Hồng Hoa		02/01/1990				Thực hiện công việc hỗ trợ Bác sỹ tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	34	22	26	Đạt	
69	QN0069	Nguyễn Thị La		29/08/1988				Thực hiện công việc hỗ trợ Bác sỹ tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	35	21	22	Đạt	
70	QN0070	Vũ Thị Ánh Hồng		06/02/1995				Thực hiện công việc hỗ trợ Bác sỹ tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	32	21	22	Đạt	
71	QN0071	Nguyễn Thị Lan Hương		13/12/1989				Thực hiện công việc hỗ trợ Bác sỹ tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	38	17	17	Đạt	
72	QN0072	Nguyễn Thị Thu		10/04/1985				Thực hiện công việc Xét nghiệm tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	41	24	19	Đạt	
73	QN0073	Trần Thị Hương Giang		01/05/1991				Thực hiện công việc Hành chính tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	32	20	21	Đạt	
74	QN0074	Lê Thu Thảo		09/02/1994				Thực hiện công việc Tư vấn viên tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	40	23	25	Đạt	
75	QN0075	Ngô Thị Hải Ninh		03/06/1991				Thực hiện công việc Tư vấn viên tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	32	19	26	Đạt	
76	QN0076	Hoàng Thị Như Trang		03/01/1985				Phụ trách công tác Dược tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	33	22	26	Đạt	
77	QN0077	Lê Thanh Hạnh		25/11/1987				Phụ trách công tác Dược tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	35	24	27	Đạt	
78	QN0078	Phạm Thu Hiền		21/3/1987				Phụ trách công tác Dược tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	36	24	25	Đạt	
79	QN0079	Cao Thị Nhung		16/5/1998				Phụ trách công tác Dược tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	28	21	20	Không Đạt	
80	QN0080	Phạm Thị Vân		10/11/1987				Phụ trách công tác Dược tại cơ sở điều trị Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	43	24	20	Đạt	
81	QN0081	Đỗ Thế Lương	17/02/1990					Phụ trách công tác Dược tại cơ sở Methadone	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	29	26	18	Không Đạt	
82	QN0082	Nguyễn Thị Huyền		08/4/1996				Phụ trách công tác Dược tại cơ sở Methadone	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	37	23	22	Đạt	
83	QN0083	Lê Thị Lan		29/4/1987				Thực hiện quản lý chương trình mục tiêu về công tác Dân số	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	23	24	22	Không Đạt	



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
84	QN0084	Vũ Thị Huyền		10/4/1981				Thực hiện quản lý chương trình mục tiêu về công tác Dân số	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	45	20	17	Đạt	
85	QN0085	Phạm Hải Ninh	13/12/1982					Diễn viên	Trung tâm Thực hành nghệ thuật	Trường Đại học Hạ Long	29	25	23	Không Đạt	
86	QN0086	Nguyễn Thị Hiệp		23/04/1984			x	Nhân viên văn thư kiểm thủ quỹ	Trường Mầm non Cẩm Hải	UBND thành phố Cẩm Phả	28	Miễn	19	Không Đạt	
87	QN0087	Trần Hoàng Tuấn	03/8/1995					Nhân viên văn thư kiểm thủ quỹ	Trường Mầm non Cẩm Hải	UBND thành phố Cẩm Phả	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
88	QN0088	Đặng Thị Linh		25/07/1995				Nhân viên Văn thư kiểm thủ quỹ	Trường TH&THCS Cộng Hoà	UBND thành phố Cẩm Phả	33	22	21	Đạt	
89	QN0089	Đoàn Thị Thuý Nga		07/11/1977				Nhân viên Thiết bị thí nghiệm	Trường THCS Cẩm Thịnh	UBND thành phố Cẩm Phả	29	26	22	Không Đạt	
90	QN0090	Lê Thị Thanh Nga		15/9/1988				Nghiệp vụ thư viện	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Cẩm Phả	18	7	7	Không Đạt	
91	QN0091	Nguyễn Thị Thúy Hạnh		24/9/1975				Kỹ thuật phát thanh truyền hình	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Cẩm Phả	33	19	18	Đạt	
92	QN0092	Lê Danh Thụy	20/01/1984				x	Kỹ thuật phát thanh truyền hình	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Cẩm Phả	25	Miễn	21	Không Đạt	
93	QN0093	Đỗ Thị Thuý Vân		28/7/1984				Kỹ thuật phát thanh truyền hình	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Cẩm Phả	28	20	10	Không Đạt	
94	QN0094	Đinh Thị Thuý		02/05/1993				Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế phường Cẩm Thuý	UBND thành phố Cẩm Phả	23	16	23	Không Đạt	
95	QN0095	Nguyễn Thị Tinh		24/10/1989				Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Trạm Y tế phường Cẩm Thuý	UBND thành phố Cẩm Phả	31	17	17	Đạt	
96	QN0096	Nguyễn Thị Thanh Thuý		04/08/1993				Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế phường Cẩm Tây	UBND thành phố Cẩm Phả	23	16	23	Không Đạt	
97	QN0097	Lê Thị Thuý Ninh		20/12/1985				Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	Trạm Y tế phường Cẩm Bình	UBND thành phố Cẩm Phả	33	15	24	Đạt	
98	QN0098	Phạm Thị Mỹ Huyền		20/10/1995				Y tế dự phòng	Trạm Y tế phường Cẩm Bình	UBND thành phố Cẩm Phả	20	20	27	Không Đạt	
99	QN0099	Trần Đức Trịnh	12/03/1995					Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế xã Cẩm Hải	UBND thành phố Cẩm Phả	30	16	24	Đạt	
100	QN0100	Phạm Thị Vân Anh		07/09/1995				Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế xã Cẩm Hải	UBND thành phố Cẩm Phả	33	18	24	Đạt	
101	QN0101	Nguyễn Thuý Linh		14/07/1998				Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế xã Cẩm Hải	UBND thành phố Cẩm Phả	26	19	15	Không Đạt	
102	QN0102	Hà Văn Phương	28/07/1991					Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế xã Cẩm Hải	UBND thành phố Cẩm Phả	22	16	26	Không Đạt	
103	QN0103	Đỗ Thị Ngọc		04/12/1993				Y tế dự phòng	Trạm y tế xã Dương Duy	UBND thành phố Cẩm Phả	28	16	15	Không Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
104	QN0104	Phạm Thị Thu Hiền		16/9/1991				An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm Y tế xã Cộng Hoà	UBND thành phố Cẩm Phả	18	15	25	Không Đạt	
105	QN0105	Tạ Thị Cúc		02/04/1992	Dân tộc Sán Dìu	x		Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế xã Cộng Hoà	UBND thành phố Cẩm Phả	46	19	Miễn	Đạt	
106	QN0106	Trần Thu Ngọc		23/12/1988				Nhân viên Y tế kiểm Thú y	Trường mầm non Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	39	19	18	Đạt	
107	QN0107	Vũ Thị Phương		25/11/1988				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Hoa Đào	UBND thành phố Hạ Long	33	17	11	Không Đạt	
108	QN0108	Vũ Thị Kim Xuyên		14/7/1991				Nhân viên Y tế kiểm Thú y	Trường Mầm non Bạch Đằng	UBND thành phố Hạ Long	32	17	12	Không Đạt	
109	QN0109	Phùng Thị Ngọc Ánh		01/01/1986				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Tiểu học Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	24	13	24	Không Đạt	
110	QN0110	Nguyễn Thị Hằng		28/09/1984				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Tiểu học Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	23	19	10	Không Đạt	
111	QN0111	Phạm Lê Ngọc Mỹ		08/10/1987				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Tiểu học Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	31	12	11	Không Đạt	
112	QN0112	Vũ Thị Thủy		15/02/1982				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Tiểu học Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	30	16	19	Đạt	
113	QN0113	Lư Thị Bích Thủy		02/02/1984				Nhân viên thư viện kiểm công tác Thiết bị	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	UBND thành phố Hạ Long	32	10	11	Không Đạt	
114	QN0114	Vũ Thị Thanh Huyền		10/01/1989				Nhân viên Thư viện - Thiết bị	Trường THCS Nguyễn Trãi	UBND thành phố Hạ Long	26	15	24	Không Đạt	
115	QN0115	Phạm Thị Huyền		24/9/1989				Nhân viên thư viện	Trường THCS Lê Văn Tám	UBND thành phố Hạ Long	43	15	14	Không Đạt	
116	QN0116	Nhữ Thị Hoa		02/8/1987				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	37	18	25	Đạt	
117	QN0117	Đỗ Thị Lan Hương		11/06/1994			x	Nhân viên Công nghệ thông tin	Trường THCS Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	48	Miễn	25	Đạt	
118	QN0118	Thạch Thị Ninh		29/08/1986			x	Nhân viên Công nghệ thông tin	Trường THCS Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	33	Miễn	24	Đạt	
119	QN0119	Chu Thị Quỳnh Trang		25/08/1992			x	Nhân viên Công nghệ thông tin	Trường THCS Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	42	Miễn	17	Đạt	
120	QN0120	Nguyễn Thị Thu Hương		27/5/1977				Nhân viên Thư viện - Thiết bị	Trường THCS Trần Quốc Toàn	UBND thành phố Hạ Long	25	18	23	Không Đạt	
121	QN0121	Vũ Thị Cảnh Hương		24/08/1984			x	Nhân viên Thư viện kiểm công tác thiết bị	Trường THCS Cao Thắng	UBND thành phố Hạ Long	29	Miễn	16	Không Đạt	
122	QN0122	Vũ Hữu Thành	12/02/1991					Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm y tế phường Hồng Gai	UBND thành phố Hạ Long	26	11	19	Không Đạt	
123	QN0123	Cao Thị Thương		09/08/1995				Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm y tế phường Hồng Gai	UBND thành phố Hạ Long	26	17	13	Không Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
124	QN0124	Lê Thị Yến		23/03/1995				Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm y tế phường Hồng Gai	UBND thành phố Hạ Long	29	27	16	Không Đạt	
125	QN0125	Bùi Thị Kim Quý		10/12/1993				Y tế dự phòng	Trạm Y tế phường Bạch Đằng	UBND thành phố Hạ Long	37	19	19	Đạt	
126	QN0126	Nguyễn Thị Hạnh		12/05/1991				Y tế dự phòng	Trạm y tế phường Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	29	13	15	Không Đạt	
127	QN0127	Nguyễn Như Thu	18/10/1993					Y tế dự phòng	Trạm y tế phường Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	24	27	11	Không Đạt	
128	QN0128	Đào Ngọc Trọng	14/11/1995					An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm y tế phường Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	30	27	17	Đạt	
129	QN0129	Mai Thiên Trang		05/6/1991				An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm y tế phường Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	30	21	19	Đạt	
130	QN0130	Nguyễn Thị Hồng		15/01/1993	Con Thương binh			Y tế dự phòng	Trạm Y tế phường Tuần Châu	UBND thành phố Hạ Long	41	20	17	Đạt	
131	QN0131	Nguyễn Tiến Đạt	11/01/1992					Phụ trách chương trình tiêm chủng mở rộng, truyền thông giáo dục sức khỏe	Trạm y tế phường Ka Long	UBND thành phố Móng Cái	23	11	16	Không Đạt	
132	QN0132	Sản Móc Hỷ		29/07/1994	Dân tộc Sán chỉ			Khám, chữa bệnh nội khoa; truyền thông GDSK	Trạm y tế phường Trần Phú	UBND thành phố Móng Cái	32	13	20	Không Đạt	
133	QN0133	Nguyễn Đức Minh	29/08/1989					Khám, chữa bệnh nội khoa	Trạm y tế phường Ninh Dương	UBND thành phố Móng Cái	20	12	23	Không Đạt	
134	QN0134	Nguyễn Thị Nhung		22/12/1994				Phòng, chống dịch; phụ trách chương trình tiêm chủng mở rộng	Trạm y tế phường Hải Hòa	UBND thành phố Móng Cái	39	18	23	Đạt	
135	QN0135	Phùng Văn Đồng	09/06/1996		Dân tộc Nùng	x		Phòng, chống dịch; phụ trách chương trình tiêm chủng mở rộng	Trạm y tế phường Hải Hòa	UBND thành phố Móng Cái	27	16	Miễn	Không Đạt	
136	QN0136	Cung Hiền Đình		21/10/1996				Đờ dề thường tại trạm, chăm sóc SKSS	Trạm y tế phường Bình Ngọc	UBND thành phố Móng Cái	17	16	9	Không Đạt	
137	QN0137	Nguyễn Thị Thơm		27/11/1991			x	Đờ dề thường tại trạm, chăm sóc SKSS	Trạm y tế phường Bình Ngọc	UBND thành phố Móng Cái	48	Miễn	23	Đạt	
138	QN0138	Phạm Tiến Sỹ	25/12/1986					Khám chữa bệnh nội khoa, phòng chống dịch	Trạm y tế xã Hải Tiến	UBND thành phố Móng Cái	39	14	22	Không Đạt	
139	QN0139	Đặng Thị Sen		18/10/1994	Dân tộc Dao	x		Phụ trách công tác Dân số - KHHGĐ, Truyền thông GDSK	Trạm y tế xã Hải Sơn	UBND thành phố Móng Cái	47	12	Miễn	Không Đạt	
140	QN0140	Nguyễn Thị Hậu		25/12/1995				Phòng, chống dịch; Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn	Trạm Y tế xã Hải Xuân	UBND thành phố Móng Cái	31	16	15	Đạt	
141	QN0141	Trần Hồng Nhung		16/06/1996				Phòng, chống dịch; Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn	Trạm Y tế xã Hải Xuân	UBND thành phố Móng Cái	42	17	22	Đạt	
142	QN0142	Lê Thu Hằng		08/10/1995				Phụ trách công tác dân số - KHHGĐ, truyền thông GDSK	Trạm y tế xã Vĩnh Thực	UBND thành phố Móng Cái	31	21	16	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
143	QN0143	Nguyễn Văn Hùng		09/02/1987				Khám chữa bệnh bằng YHCT, truyền thông GDSK	Trạm y tế xã Vĩnh Thực	UBND thành phố Móng Cái	22	13	19	Không Đạt	
144	QN0144	Phạm Văn Quy		16/02/1993				Khám, chữa bệnh nội khoa; phụ trách công tác y tế trường học	Trạm y tế xã Vĩnh Trung	UBND thành phố Móng Cái	34	18	9	Không Đạt	
145	QN0145	Hoàng Thị Dung		14/09/1994				Khám, chữa bệnh nội khoa; phụ trách công tác y tế trường học	Trạm y tế xã Vĩnh Trung	UBND thành phố Móng Cái	30	12	21	Không Đạt	
146	QN0146	Phạm Văn Lập		13/09/1989				Khám chữa bệnh nội khoa, phòng chống dịch	Trạm y tế xã Quảng Nghĩa	UBND thành phố Móng Cái	41	19	21	Đạt	
147	QN0147	Hoàng Xuân An		15/12/1998	Dân tộc Nùng	x		Phòng chống dịch, thực hiện các kỹ thuật chuyên môn	Trạm y tế xã Bắc Sơn	UBND thành phố Móng Cái	39	14	Miễn	Không Đạt	
148	QN0148	La Thị Nhung		10/08/1995	Dân tộc Sán Chỉ	x		Phòng chống dịch, thực hiện các kỹ thuật chuyên môn	Trạm y tế xã Bắc Sơn	UBND thành phố Móng Cái	36	19	Miễn	Đạt	
149	QN0149	Vũ Thị Hải Hà		18/5/1991				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non 19/5	UBND thành phố Uông Bí	41	18	25	Đạt	
150	QN0150	Phạm Thị Hường		02/10/1981				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non 19/5	UBND thành phố Uông Bí	31	18	12	Không Đạt	
151	QN0151	Nguyễn Thị Huyền Trang		08/12/1992				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non 19/5	UBND thành phố Uông Bí	40	13	14	Không Đạt	
152	QN0152	Vũ Thị Thanh Hà		28/11/1981				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Đồng Chanh	UBND thành phố Uông Bí	30	14	22	Không Đạt	
153	QN0153	Đào Hoàng Xuân		11/01/1994				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Diên Công	UBND thành phố Uông Bí	28	17	19	Không Đạt	
154	QN0154	Nguyễn Thị Thu		17/7/1990				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Diên Công	UBND thành phố Uông Bí	32	21	17	Đạt	
155	QN0155	Vũ Thị Thắm		20/10/1981				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Diên Công	UBND thành phố Uông Bí	43	18	25	Đạt	
156	QN0156	Lý Thị Liên		29/10/1984				Y tế dự phòng, cung ứng thuốc thiết yếu	Trạm Y tế phường Vàng Danh	UBND thành phố Uông Bí	39	19	17	Đạt	
157	QN0157	Đỗ Thị Ngọc Anh		07/11/1993				Truyền thông, giáo dục sức khoẻ, quản lý sức khoẻ cộng đồng	Trạm Y tế phường Bắc Sơn	UBND thành phố Uông Bí	39	26	10	Không Đạt	
158	QN0158	Trịnh Hoa Gấm		10/3/1993				Về khám bệnh, chữa bệnh, quản lý sức khoẻ cộng đồng	Trạm Y tế phường Phương Nam	UBND thành phố Uông Bí	37	24	21	Đạt	
159	QN0159	Vũ Thị Lan Phương		15/02/1994				Về khám bệnh, chữa bệnh, quản lý sức khoẻ cộng đồng	Trạm Y tế phường Phương Nam	UBND thành phố Uông Bí	27	18	14	Không Đạt	
160	QN0160	Vũ Thị Huệ		02/9/1992				Về khám bệnh, chữa bệnh, quản lý sức khoẻ cộng đồng	Trạm Y tế xã Diên Công	UBND thành phố Uông Bí	35	19	16	Đạt	
161	QN0161	Lưu Văn Thanh		22/2/1995				Truyền thông, giáo dục sức khoẻ, quản lý sức khoẻ cộng đồng	Trạm Y tế xã Thượng Yên Công	UBND thành phố Uông Bí	45	26	27	Đạt	
162	QN0162	Vũ Thị Hạnh		01/10/1994				Truyền thông, giáo dục sức khoẻ, quản lý sức khoẻ cộng đồng	Trạm Y tế xã Thượng Yên Công	UBND thành phố Uông Bí	50	23	17	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
163	QN0163	Phạm Thị Huyền Trang		24/9/1990				Y sĩ dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản, An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm Y tế xã Hoàng Quế	UBND thị xã Đông Triều	47	20	11	Không Đạt	
164	QN0164	Bùi Thị Thu Phương		29/6/1992				Y sĩ dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản, An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm Y tế xã Hoàng Quế	UBND thị xã Đông Triều	35	20	23	Đạt	
165	QN0165	Nguyễn Tuấn Mạnh	03/10/1991					Y sĩ dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản, An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm y tế xã Yên Thọ	UBND thị xã Đông Triều	48	22	15	Đạt	
166	QN0166	Phạm Thị Thùy Linh		26/7/1991				Y sĩ dự phòng; Chăm sóc sức khỏe sinh sản, An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm y tế phường Kim Sơn	UBND thị xã Đông Triều	45	28	23	Đạt	
167	QN0167	Vũ Thị Hồng Anh		13/2/1993				Y sĩ dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản, An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm y tế phường Xuân Sơn	UBND thị xã Đông Triều	47	19	19	Đạt	
168	QN0168	Doãn Thị Xoan		08/11/1990				Y sĩ dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản, An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm y tế xã Thủy An	UBND thị xã Đông Triều	50	24	16	Đạt	
169	QN0169	Nguyễn Văn Dũng	24/8/1994					Y sĩ dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản, An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm y tế xã Nguyễn Huệ	UBND thị xã Đông Triều	55	18	10	Không Đạt	
170	QN0170	Phạm Đăng Nghĩa	29/01/1994					Y sĩ dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản, An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm y tế xã Bình Dương	UBND thị xã Đông Triều	51	25	22	Đạt	
171	QN0171	Ngô Thị Mai Nga		09/7/1994				Y sĩ dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản, An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm y tế xã Tân Việt	UBND thị xã Đông Triều	48	26	20	Đạt	
172	QN0172	Bùi Mạnh Hùng	09/9/1994					Y sĩ dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản, An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm y tế xã Tràng Lương	UBND thị xã Đông Triều	45	22	20	Đạt	
173	QN0173	Nguyễn Thị Thanh Hải		11/02/1981				Nhân viên Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	UBND thị xã Quảng Yên	47	17	12	Không Đạt	
174	QN0174	Phạm Thị Hiền		01/01/1982				Nhân viên Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Sông Khoai 2	UBND thị xã Quảng Yên	30	14	10	Không Đạt	
175	QN0175	Phan Thị Xuân		02/4/1987				Nhân viên Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Sông Khoai 2	UBND thị xã Quảng Yên	37	24	15	Đạt	
176	QN0176	Lê Thị Hồng		14/8/1983				Nhân viên Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Sông Khoai 2	UBND thị xã Quảng Yên	37	23	10	Không Đạt	
177	QN0177	Đinh Thị Thanh Giang		02/8/1979				Nhân viên Văn thư kiểm thủ quỹ	Trường Tiểu học Sông Khoai 2	UBND thị xã Quảng Yên	47	16	17	Đạt	
178	QN0178	Phạm Thị Huệ		26/7/1983				Nhân viên Văn thư kiểm thủ quỹ	Trường Tiểu học Sông Khoai 2	UBND thị xã Quảng Yên	44	13	28	Không Đạt	
179	QN0179	Nguyễn Thị Thanh Vân		13/9/1984				Nhân viên Văn thư kiểm thủ quỹ	Trường Tiểu học Sông Khoai 2	UBND thị xã Quảng Yên	50	13	12	Không Đạt	
180	QN0180	Trần Văn Huyền	24/9/1968					Nhân viên Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Minh Thành	UBND thị xã Quảng Yên	41	27	26	Đạt	
181	QN0181	Nguyễn Văn Long	29/7/1983					Nhân viên Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Cẩm La	UBND thị xã Quảng Yên	35	17	18	Đạt	
182	QN0182	Hoàng Mỹ Hà		28/8/1978				Nhân viên Thư viện, thiết bị	Trường Tiểu học Yên Hải	UBND thị xã Quảng Yên	32	14	9	Không Đạt	



STT	Số báo danh	
-----	-------------	---

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
203	QN0203	Nịnh Thị Sáu		05/05/1972	Dân tộc Cao Lan	x		Nhân viên Thư viện, thiết bị	Trường TH Đạp Thanh	UBND huyện Ba Chẽ	30	17	Miễn	Đạt	
204	QN0204	Trần Quang Khai		20/11/1994				Khám thai, đỡ đẻ thường, tuyên truyền sức khỏe-KHHGD, chương trình dinh dưỡng	Trạm Y tế xã Lương Móng	UBND huyện Ba Chẽ	27	16	18	Không Đạt	
205	QN0205	Triệu Thị Thanh		14/10/1994	Dân tộc Dao	x		Khám thai, đỡ đẻ thường, tuyên truyền sức khỏe-KHHGD, chương trình dinh dưỡng	Trạm Y tế xã Đạp Thanh	UBND huyện Ba Chẽ	25	10	Miễn	Không Đạt	
206	QN0206	Đặng Lệ Sinh		16/12/1993	Dân tộc Sán chỉ	x		Khám thai, đỡ đẻ thường, tuyên truyền sức khỏe-KHHGD, chương trình dinh dưỡng	Trạm Y tế xã Đạp Thanh	UBND huyện Ba Chẽ	27	15	Miễn	Không Đạt	
207	QN0207	Vi Thị Hằng		05/9/1994	Dân tộc Tày	x		Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quần dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế xã Thanh Lâm	UBND huyện Ba Chẽ	33	20	Miễn	Đạt	
208	QN0208	Trần Văn Hợp	25/3/1992		Dân tộc Dao	x		Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quần dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế xã Thanh Lâm	UBND huyện Ba Chẽ	25	12	Miễn	Không Đạt	
209	QN0209	Đặng Thị Lan		06/6/1987	Dân tộc Dao	x		Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quần dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế xã Thanh Lâm	UBND huyện Ba Chẽ	31	17	Miễn	Đạt	
210	QN0210	Hoàng Thị Oanh		05/6/1993				Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quần dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế xã Thanh Lâm	UBND huyện Ba Chẽ	42	19	10	Không Đạt	
211	QN0211	Trương Thị Thu		09/01/1994	Dân tộc Sán chỉ	x		Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quần dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế xã Thanh Lâm	UBND huyện Ba Chẽ	28	10	Miễn	Không Đạt	
212	QN0212	Phùng Văn Cảnh	15/01/1987		Dân tộc Dao	x		Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quần dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế xã Nam Sơn	UBND huyện Ba Chẽ	33	10	Miễn	Không Đạt	
213	QN0213	Trần Thị Tuyền		22/5/1991				Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quần dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế xã Nam Sơn	UBND huyện Ba Chẽ	37	19	17	Đạt	
214	QN0214	Trần Thị Hương		13/6/1993	Dân tộc Sán chỉ	x		Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quần dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế xã Thanh Sơn	UBND huyện Ba Chẽ	30	8	Miễn	Không Đạt	
215	QN0215	Hoàng Văn Liệu	27/6/1989		Dân tộc Tày	x		Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quần dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế xã Thanh Sơn	UBND huyện Ba Chẽ	29	13	Miễn	Không Đạt	
216	QN0216	Mông Thị Thủy		21/9/1989	Dân tộc Cao Lan	x		Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quần dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế xã Thanh Sơn	UBND huyện Ba Chẽ	20	8	Miễn	Không Đạt	
217	QN0217	Hoàng Đức Thắng	07/02/1990		Dân tộc Tày	x		Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quần dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế xã Thanh Sơn	UBND huyện Ba Chẽ	27	13	Miễn	Không Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
218	QN0218	Hoàng Văn Mạc	23/4/1993					Khám chữa bệnh, kê đơn, điều trị y học hiện đại kết hợp YHCT, quản lý sức khỏe cộng đồng, thực hiện kết hợp quân dân y theo tình hình thực tế địa phương.	Trạm Y tế Thị Trấn	UBND huyện Ba Chẽ	37	19	17	Đạt	
219	QN0219	Nông Thanh Hồng	02/7/1987		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác dân số-KHHGĐ và một số công việc khác	Trạm Y tế xã Đồng Tâm	UBND huyện Bình Liêu	21	8	Miễn	Không Đạt	
220	QN0220	Phương Thị Gái	02/9/1994		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác dân số-KHHGĐ và một số công việc khác	Trạm Y tế xã Đồng Tâm	UBND huyện Bình Liêu	45	12	Miễn	Không Đạt	
221	QN0221	Mê Thị Phương	08/10/1988		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác dân số-KHHGĐ và một số công việc khác	Trạm Y tế xã Đồng Tâm	UBND huyện Bình Liêu	33	14	Miễn	Không Đạt	
222	QN0222	Trần Thị Lan	13/8/1993		Dân tộc Sán chỉ	x		Phụ trách công tác dân số-KHHGĐ và một số công việc khác	Trạm Y tế xã Đồng Tâm	UBND huyện Bình Liêu	32	15	Miễn	Đạt	
223	QN0223	Chu Xuân Quân	15/01/1993		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình Y tế khác	Trạm Y tế xã Đồng Tâm	UBND huyện Bình Liêu	29	17	Miễn	Không Đạt	
224	QN0224	Vi Phát Châu	20/11/1989		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình Y tế khác	Trạm Y tế xã Đồng Tâm	UBND huyện Bình Liêu	29	15	Miễn	Không Đạt	
225	QN0225	Mạ Thị Lan	20/8/1994		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình Y tế khác	Trạm Y tế xã Đồng Tâm	UBND huyện Bình Liêu	43	19	Miễn	Đạt	
226	QN0226	Ninh Móc Thầu	08/4/1994		Dân tộc Sán chỉ	x		Phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế xã Húc Động	UBND huyện Bình Liêu	36	16	Miễn	Đạt	
227	QN0227	Hoàng Thị Kim Oanh	29/10/1995		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế xã Húc Động	UBND huyện Bình Liêu	37	15	Miễn	Đạt	
228	QN0228	Nông Thị Phương	24/8/1994		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế Thị trấn	UBND huyện Bình Liêu	45	17	Miễn	Đạt	
229	QN0229	Nông Thị Hằng	24/02/1994		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế xã Tĩnh Húc	UBND huyện Bình Liêu	44	16	Miễn	Đạt	
230	QN0230	Hà Quang Tùng	15/01/1994		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình Y tế khác	Trạm Y tế xã Lục Hồn	UBND huyện Bình Liêu	21	17	Miễn	Không Đạt	
231	QN0231	Nguyễn Tuấn Anh	30/6/1993		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình Y tế khác	Trạm Y tế xã Lục Hồn	UBND huyện Bình Liêu	30	16	Miễn	Đạt	
232	QN0232	Trần Thị Thuyết	24/10/1994		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình Y tế khác	Trạm Y tế xã Lục Hồn	UBND huyện Bình Liêu	31	14	Miễn	Không Đạt	
233	QN0233	Lương Xuân Chương	16/02/1991		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình Y tế khác	Trạm Y tế xã Lục Hồn	UBND huyện Bình Liêu	37	22	Miễn	Đạt	
234	QN0234	Cao Xuân Long	12/11/1990					Phụ trách công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình Y tế khác	Trạm Y tế xã Lục Hồn	UBND huyện Bình Liêu	36	17	12	Không Đạt	
235	QN0235	Phạm Trung Hiếu	10/7/1994					Phụ trách công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình Y tế khác	Trạm Y tế xã Vô Ngại	UBND huyện Bình Liêu	33	16	13	Không Đạt	
236	QN0236	Mạ Văn Trình	27/6/1991		Dân tộc Tày	x		Phụ trách công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình Y tế khác	Trạm Y tế xã Vô Ngại	UBND huyện Bình Liêu	32	16	Miễn	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
237	QN0237	Hoàng Thanh Tùng	04/02/1995		Dân tộc Tây	x		Phụ trách công tác khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và các chương trình Y tế khác	Trạm Y tế xã Vô Ngai	UBND huyện Bình Liêu	34	13	Miễn	Không Đạt	
238	QN0238	Đinh Đức Thiện	14/02/1997					Khám chữa bệnh	Trạm y tế xã Quảng Lâm	UBND huyện Đầm Hà	37	19	18	Đạt	
239	QN0239	Nguyễn Thành Luân	12/11/1999					Phụ trách công tác khám chữa bệnh	Trạm y tế xã Quảng Điền	UBND huyện Hải Hà	47	9	16	Không Đạt	
240	QN0240	Trần Thị Hiền		31/10/1982	Con người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học			Phụ trách dân số - KHHGD	Trạm Y tế xã Quảng Phong	UBND huyện Hải Hà	32	18	11	Không Đạt	
241	QN0241	Nguyễn Thị Thu Thủy		27/11/1996	Dân tộc Tây	x		Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế xã Tân Dân	UBND huyện Hoành Bồ	30	12	Miễn	Không Đạt	
242	QN0242	Phạm Trang Đan Hằng		21/4/1992				Khám chữa bệnh	Trạm Y tế xã Tân Dân	UBND huyện Hoành Bồ	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
243	QN0243	Hoàng Thị Loan		16/8/1995	Dân tộc Tây	x		Khám chữa bệnh	Trạm Y tế xã Tân Dân	UBND huyện Hoành Bồ	29	17	Miễn	Không Đạt	
244	QN0244	Lý Sinh Tuấn	04/9/1990		Dân tộc Dao	x		Khám chữa bệnh	Trạm Y tế xã Đồng Sơn	UBND huyện Hoành Bồ	33	18	Miễn	Đạt	
245	QN0245	Đặng Thị Phương		08/9/1995	Dân tộc Dao	x		Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế xã Đồng Sơn	UBND huyện Hoành Bồ	34	13	Miễn	Không Đạt	
246	QN0246	Lê Thanh Trà		07/8/1992				Khám chữa bệnh	Trạm Y tế xã Bằng Cả	UBND huyện Hoành Bồ	21	15	19	Không Đạt	
247	QN0247	Đặng Thị Hường		03/10/1990	Dân tộc Dao; Con Thương binh 4/4	x		Khám chữa bệnh	Trạm Y tế xã Đồng Lâm	UBND huyện Hoành Bồ	33	11	Miễn	Không Đạt	
248	QN0248	Đinh Quang Hào	11/3/1992					Y tế dự phòng	Trạm Y tế xã Vũ Oai	UBND huyện Hoành Bồ	29	17	18	Không Đạt	
249	QN0249	Nguyễn Thị Thoa		11/10/1993	Dân tộc Tây	x		Y tế dự phòng	Trạm Y tế xã Vũ Oai	UBND huyện Hoành Bồ	38	15	Miễn	Đạt	
250	QN0250	Lương Xuân Dưỡng	10/7/1987		Dân tộc Sán diu	x		Khám chữa bệnh	Trạm Y tế xã Vũ Oai	UBND huyện Hoành Bồ	27	12	Miễn	Không Đạt	
251	QN0251	Nguyễn Duy Hoàng	20/9/1995					Khám chữa bệnh	Trạm Y tế xã Vũ Oai	UBND huyện Hoành Bồ	40	5	15	Không Đạt	
252	QN0252	Triệu Thị Duyên		09/4/1994	Dân tộc Dao	x		Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế xã Vũ Oai	UBND huyện Hoành Bồ	38	19	Miễn	Đạt	
253	QN0253	Hoàng Ánh Ngọc		17/10/1993	Dân tộc Dao	x		Khám chữa bệnh	Trạm Y tế xã Hòa Bình	UBND huyện Hoành Bồ	22	11	Miễn	Không Đạt	
254	QN0254	Đỗ Thanh Hà		21/4/1991				Nhân viên y tế	Trường Mầm non Đồng Hải	UBND huyện Tiên Yên	32	14	13	Không Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
255	QN0255	Chu Bích Thơm		27/5/1994				Nhân viên y tế	Trường Mầm non Đông Hải	UBND huyện Tiên Yên	44	13	9	Không Đạt	
256	QN0256	Nguyễn Thị Lan		14/6/1989				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Đông Ngụ	UBND huyện Tiên Yên	22	12	9	Không Đạt	
257	QN0257	Nguyễn Thủy Phương		13/01/1990				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Đông Ngụ	UBND huyện Tiên Yên	38	17	17	Đạt	
258	QN0258	Phạm Thị Mai Phương		07/12/1988				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Hải Lạng	UBND huyện Tiên Yên	30	15	13	Không Đạt	
259	QN0259	Tô Văn Huy	03/9/1991					Nhân viên y tế	Trường Mầm non Đông Ngụ	UBND huyện Tiên Yên	19	6	13	Không Đạt	
260	QN0260	Lô Thị Điều		20/9/1996	Dân tộc Thái	x		Nhân viên Thư viện - Thiết bị	Trường Tiểu học Phong Dụ	UBND huyện Tiên Yên	31	9	Miễn	Không Đạt	
261	QN0261	Dìn Thị Chấn		10/7/1993	Dân tộc Sán Chi	x		Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Đại Dục	UBND huyện Tiên Yên	36	10	Miễn	Không Đạt	
262	QN0262	Đinh Thanh Nghị	06/12/1991					Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Đại Dục	UBND huyện Tiên Yên	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
263	QN0263	Hoàng Thị Tăng		06/3/1993	Dân tộc Tày	x		Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Đại Dục	UBND huyện Tiên Yên	30	12	Miễn	Không Đạt	
264	QN0264	Ninh Thị Thủy		03/5/1988	Dân tộc Sán Chi	x		Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Đại Dục	UBND huyện Tiên Yên	34	24	Miễn	Đạt	
265	QN0265	Nguyễn Lê Giang		11/6/1990				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Điện Xá	UBND huyện Tiên Yên	33	16	16	Đạt	
266	QN0266	Đinh Ái Mến		02/5/1996				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Điện Xá	UBND huyện Tiên Yên	37	25	19	Đạt	
267	QN0267	Vi Thị Lâm		23/6/1984	Dân tộc Tày	x		Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Điện Xá	UBND huyện Tiên Yên	26	12	Miễn	Không Đạt	
268	QN0268	Nguyễn Thị Hòa		20/01/1989				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Đông Ngụ	UBND huyện Tiên Yên	30	13	21	Không Đạt	
269	QN0269	Lê Thu Quỳnh		23/12/1992				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Đông Ngụ	UBND huyện Tiên Yên	37	15	12	Không Đạt	
270	QN0270	Ninh A Thặng	08/3/1992		Dân tộc Sán Chi	x		Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Đông Ngụ	UBND huyện Tiên Yên	29	16	Miễn	Không Đạt	
271	QN0271	Dương Thủy Lan		05/6/1992	Dân tộc Tày	x		Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Hải Lạng	UBND huyện Tiên Yên	40	20	Miễn	Đạt	
272	QN0272	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		08/8/1990				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Hải Lạng	UBND huyện Tiên Yên	47	20	21	Đạt	
273	QN0273	Đặng Thị Vân		17/3/1992	Dân tộc Dao	x		Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Hải Lạng	UBND huyện Tiên Yên	39	20	Miễn	Đạt	
274	QN0274	Vũ Xuân Diệu		20/4/1984				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Thị trấn	UBND huyện Tiên Yên	21	17	11	Không Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
275	QN0275	Nguyễn Thu Hà		21/02/1991				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Thị trấn	UBND huyện Tiên Yên	27	20	12	Không Đạt	
276	QN0276	Nguyễn Thu Ngân		08/4/1986				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Thị trấn	UBND huyện Tiên Yên	33	18	25	Đạt	
277	QN0277	Hà Thị Quế		20/6/1992				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Yên Than (THCS)	UBND huyện Tiên Yên	39	18	11	Không Đạt	
278	QN0278	Trần Thu Quỳnh		14/02/1995	Dân tộc Tày	x		Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Yên Than (THCS)	UBND huyện Tiên Yên	32	18	Miễn	Đạt	
279	QN0279	Đặng Thị Xuân		22/4/1993				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Yên Than (THCS)	UBND huyện Tiên Yên	40	20	14	Không Đạt	
280	QN0280	Phạm Thùy Trang		02/12/1996				Chăm sóc SK ban đầu, Theo dõi, quản lý thực hiện các chương trình y tế	Trạm Y tế Thị trấn	UBND huyện Tiên Yên	32	19	21	Đạt	
281	QN0281	Trần Thị Huyền		02/7/1998	Dân tộc Tày	x		Chăm sóc SK ban đầu, Theo dõi, quản lý thực hiện các chương trình y tế	Trạm Y tế xã Yên Than	UBND huyện Tiên Yên	31	8	Miễn	Không Đạt	
282	QN0282	Vì Thị Yến Nhi		09/9/1993	Dân tộc Tày	x		Chăm sóc SK ban đầu, Theo dõi, quản lý thực hiện các chương trình y tế	Trạm Y tế xã Yên Than	UBND huyện Tiên Yên	44	19	Miễn	Đạt	
283	QN0283	Phạm Thị Hồng Nhung		06/4/1995				Chăm sóc SK ban đầu, Theo dõi, quản lý thực hiện các chương trình y tế	Trạm Y tế xã Yên Than	UBND huyện Tiên Yên	33	20	13	Không Đạt	
284	QN0284	Vũ Thị Hiền		20/5/1994				Khám chữa bệnh, quản lý theo dõi các chương trình y tế tuyến xã	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	UBND huyện Tiên Yên	38	23	23	Đạt	
285	QN0285	Vì Đức Thành	06/12/1992		Dân tộc Sán Chỉ	x		Khám chữa bệnh, quản lý theo dõi các chương trình y tế tuyến xã	Trạm Y tế xã Tiên Lãng	UBND huyện Tiên Yên	34	17	Miễn	Đạt	
286	QN0286	Vũ Thị Nhung		28/01/1992				Khám chữa bệnh, quản lý theo dõi các chương trình y tế tuyến xã	Trạm Y tế xã Hải Lạng	UBND huyện Tiên Yên	30	14	24	Không Đạt	
287	QN0287	Vì Thúy Trần		29/9/1991	Dân tộc Tày	x		Khám chữa bệnh, quản lý theo dõi các chương trình y tế tuyến xã	Trạm Y tế xã Hải Lạng	UBND huyện Tiên Yên	6	6	Miễn	Không Đạt	
288	QN0288	Đinh Thị Ngọc Huyền		22/02/1995				Chăm sóc SK ban đầu, Theo dõi, quản lý thực hiện các chương trình y tế	Trạm Y tế xã Hải Lạng	UBND huyện Tiên Yên	35	20	22	Đạt	
289	QN0289	Lý Thị Liên		30/6/1987	Dân tộc Dao	x		Chăm sóc SK ban đầu, Theo dõi, quản lý thực hiện các chương trình y tế	Trạm Y tế xã Hải Lạng	UBND huyện Tiên Yên	40	23	Miễn	Đạt	
290	QN0290	Trịnh Thị Phương		27/4/1995	Dân tộc Sán Dìu	x		Chăm sóc SK ban đầu, Theo dõi, quản lý thực hiện các chương trình y tế	Trạm Y tế xã Hải Lạng	UBND huyện Tiên Yên	23	12	Miễn	Không Đạt	
291	QN0291	Lương Thị Thủy		23/02/1994	Dân tộc Tày	x		Chăm sóc SK ban đầu, Theo dõi, quản lý thực hiện các chương trình y tế	Trạm Y tế xã Hải Lạng	UBND huyện Tiên Yên	30	11	Miễn	Không Đạt	
292	QN0292	Bế Văn Hà	16/01/1989		Dân tộc Tày	x		Khám chữa bệnh, quản lý theo dõi các chương trình y tế tuyến xã	Trạm Y tế xã Phong Dụ	UBND huyện Tiên Yên	38	12	Miễn	Không Đạt	
293	QN0293	Trần Thị Sin		16/11/1994	Dân tộc Sán Chỉ	x		Khám chữa bệnh, quản lý theo dõi các chương trình y tế tuyến xã	Trạm Y tế xã Phong Dụ	UBND huyện Tiên Yên	39	11	Miễn	Không Đạt	
294	QN0294	Trần Anh Trường	23/4/1994		Dân tộc Tày	x		Khám chữa bệnh, quản lý theo dõi các chương trình y tế tuyến xã	Trạm Y tế xã Phong Dụ	UBND huyện Tiên Yên	33	13	Miễn	Không Đạt	

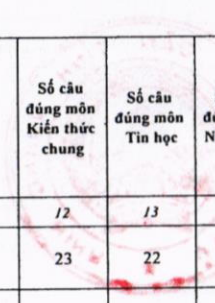
STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
295	QN0295	Vũ Mạnh Tùng		21/7/1995	Dân tộc Tày	x		Khám chữa bệnh, quản lý theo dõi các chương trình y tế tuyến xã	Trạm Y tế xã Phong Dụ	UBND huyện Tiên Yên	33	17	Miễn	Đạt	
296	QN0296	Trần Thị Yên		06/9/1993	Dân tộc Tày	x		Khám chữa bệnh, quản lý theo dõi các chương trình y tế tuyến xã	Trạm Y tế xã Phong Dụ	UBND huyện Tiên Yên	37	10	Miễn	Không Đạt	
297	QN0297	Tạ Thị Mai		26/02/1993	Dân tộc Sán Dìu	x		Khám chữa bệnh, quản lý theo dõi các chương trình y tế tuyến xã	Trạm Y tế xã Điền Xá	UBND huyện Tiên Yên	30	10	Miễn	Không Đạt	
298	QN0298	Nguyễn Quỳnh Trang		29/01/1992				Khám chữa bệnh, quản lý theo dõi các chương trình y tế tuyến xã	Trạm Y tế xã Điền Xá	UBND huyện Tiên Yên	36	8	21	Không Đạt	
299	QN0299	Sân Thị Phật		21/4/1995	Dân tộc Sán Chỉ	x		Chăm sóc SK ban đầu, Theo dõi, quản lý thực hiện các chương trình y tế	Trạm Y tế xã Hà Lâu	UBND huyện Tiên Yên	42	13	Miễn	Không Đạt	
300	QN0300	Trịnh Thị Thu		09/01/1996	Dân tộc Sán Dìu	x		Chăm sóc SK ban đầu, Theo dõi, quản lý thực hiện các chương trình y tế	Trạm Y tế xã Hà Lâu	UBND huyện Tiên Yên	34	9	Miễn	Không Đạt	
301	QN0301	Hoàng Thị Xuân		17/7/1995	Dân tộc Dao	x		Chăm sóc SK ban đầu, Theo dõi, quản lý thực hiện các chương trình y tế	Trạm Y tế xã Hà Lâu	UBND huyện Tiên Yên	47	13	Miễn	Không Đạt	
302	QN0302	Nguyễn Thị Gấm		13/5/1990				Phụ trách dân số - KHH và GD	Trạm Y tế xã Đông Xá	UBND huyện Vân Đồn	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
303	QN0303	Đỗ Thị Nhiên		10/05/1990				Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế xã Đoàn Kết	UBND huyện Vân Đồn	35	17	11	Không Đạt	
304	QN0304	Nông Thị Mới		07/05/1992	Dân tộc Sán Dìu	x		Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế xã Đoàn Kết	UBND huyện Vân Đồn	44	17	Miễn	Đạt	
305	QN0305	Trần Thu Thảo		11/10/1981	Dân tộc Sán Dìu	x		Phụ trách dân số - KHH và GD	Trạm Y tế xã Quan Lạn	UBND huyện Vân Đồn	32	11	Miễn	Không Đạt	
306	QN0306	Nguyễn Thị Thu Hằng		07/10/1987				Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế xã Quan Lạn	UBND huyện Vân Đồn	32	9	15	Không Đạt	
307	QN0307	Đỗ Thị Thanh Tâm		29/7/1986				Chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trạm Y tế xã Bàn Sen	UBND huyện Vân Đồn	30	13	10	Không Đạt	
308	QN0308	Chu Nhật Linh		21/12/1995	Dân tộc Sán Dìu	x		Phụ trách dân số - KHH và GD	Trạm Y tế xã Vạn Yên	UBND huyện Vân Đồn	32	16	Miễn	Đạt	
309	QN0309	Vũ Hoàng Yến		25/04/1991				Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế xã Vạn Yên	UBND huyện Vân Đồn	45	15	19	Đạt	
310	QN0310	Hoàng Huy Tùng		16/05/1989				Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế xã Vạn Yên	UBND huyện Vân Đồn	33	21	14	Không Đạt	
311	QN0311	Vũ Văn Ngọc		30/4/1988	Con Thương binh			Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế xã Vạn Yên	UBND huyện Vân Đồn	26	16	9	Không Đạt	
312	QN0312	Lê Hùng Minh		27/12/1985			x	Nhân viên Công nghệ thông tin	Trường PT DTNT Tỉnh Quảng Ninh	Sở Giáo dục và Đào tạo	31	Miễn	26	Đạt	
313	QN0313	Hoàng Hoài Thu		29/07/1990	Con nạn nhân chất độc da cam			Nhân viên Văn thư kiêm giáo vụ	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	37	22	27	Đạt	
314	QN0314	Vũ Thế Quý		18/10/1988			x	Nhân viên Công nghệ thông tin	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	41	Miễn	26	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
315	QN0315	Phạm Thị Vân Anh		14/09/1986			x	Nhân viên Thư viện kiêm giáo vụ	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	39	Miễn	25	Đạt	
316	QN0316	Phạm Thị Liễu		03/09/1989				Nhân viên Thư viện kiêm giáo vụ	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	26	16	25	Không Đạt	
317	QN0317	Nguyễn Thị Mai		01/08/1995				Nhân viên Thư viện kiêm giáo vụ	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	43	20	19	Đạt	
318	QN0318	Trần Thị Phương		06/06/1995	Dân tộc Sán Chỉ			Nhân viên Thư viện kiêm giáo vụ	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	20	11	24	Không Đạt	
319	QN0319	Nguyễn Thị Việt Hiền		11/01/1995				Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THCS&THPT Hoàng Mô	Sở Giáo dục và Đào tạo	24	13	14	Không Đạt	
320	QN0320	Hoàng Tiến Thắng	11/05/1986		Dân tộc Tây	x		Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THCS&THPT Hoàng Mô	Sở Giáo dục và Đào tạo	39	23	Miễn	Đạt	
321	QN0321	Tô Thị Vân		14/10/1988	Dân tộc Tây	x		Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THCS&THPT Hoàng Mô	Sở Giáo dục và Đào tạo	31	14	Miễn	Không Đạt	
322	QN0322	Thần Thị Thanh Hoa		17/04/1990				Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THPT Ba Chẽ	Sở Giáo dục và Đào tạo	45	21	27	Đạt	
323	QN0323	Lê Đức Anh	13/11/1993					Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THPT Bình Liêu	Sở Giáo dục và Đào tạo	31	17	23	Đạt	
324	QN0324	Trần Thị Mai Phương		07/09/1995	Dân tộc Tây	x		Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THPT Bình Liêu	Sở Giáo dục và Đào tạo	21	18	Miễn	Không Đạt	
325	QN0325	Lý Thị Thanh Thảo		07/04/1997	Dân tộc Tây	x		Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THPT Bình Liêu	Sở Giáo dục và Đào tạo	18	17	Miễn	Không Đạt	
326	QN0326	Huỳnh Thị Thanh Huyền		11/06/1991				Nhân viên Văn thư	Trường THPT Cẩm Phả	Sở Giáo dục và Đào tạo	48	26	30	Đạt	
327	QN0327	Nhâm Thị Như Quỳnh		12/12/1995				Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THPT Cửa Ông	Sở Giáo dục và Đào tạo	31	18	22	Đạt	
328	QN0328	Nguyễn Thị Thu Huyền		29/01/1989				Nhân viên Kế toán	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở Giáo dục và Đào tạo	35	21	29	Đạt	
329	QN0329	Nguyễn Lê Phương		14/09/1997				Nhân viên Kế toán	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở Giáo dục và Đào tạo	40	22	22	Đạt	
330	QN0330	Hoàng Trọng Đại	07/01/1991					Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THPT Lê Hồng Phong	Sở Giáo dục và Đào tạo	46	22	25	Đạt	
331	QN0331	Bùi Hồng Hạnh		12/12/1995				Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THPT Lê Hồng Phong	Sở Giáo dục và Đào tạo	28	18	14	Không Đạt	
332	QN0332	Nguyễn Thị Cúc		27/09/1990				Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THPT Quan Lạn	Sở Giáo dục và Đào tạo	42	25	25	Đạt	
333	QN0333	Nguyễn Thị Luyến		28/06/1985				Nhân viên Kế toán kiêm văn thư	Trường THPT Quan Lạn	Sở Giáo dục và Đào tạo	30	16	12	Không Đạt	
334	QN0334	Đàm Thị Thủy		01/04/1990				Nhân viên Văn thư kiêm thủ quỹ	Trường THPT Uông Bí	Sở Giáo dục và Đào tạo	38	18	24	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
335	QN0335	Nguyễn Tiến Thành	20/10/1989					Quản lý khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phòng Quản lý Nguồn lợi và Môi trường thủy sản	Chi cục Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30	25	28	Đạt	
336	QN0336	Phạm Minh Hải	19/06/1984		Con thương binh			Chuyên giao kỹ thuật, Phòng Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật	Trung tâm Khuyến nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	34	18	24	Đạt	
337	QN0337	Hoàng Thị Ngọc Lan		06/06/1992				Hỗ trợ, tư vấn, dịch vụ kỹ thuật chuyên môn, Trạm Chẩn đoán xét nghiệm bệnh động, thực vật	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	35	15	16	Đạt	
338	QN0338	Lại Văn Lý	13/11/1980					Hỗ trợ, tư vấn, dịch vụ kỹ thuật chuyên môn, Trạm Chẩn đoán xét nghiệm bệnh động, thực vật	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	46	19	22	Đạt	
339	QN0339	Nguyễn Văn Duy	16/08/1989					Chẩn đoán, phân tích, xét nghiệm bệnh động vật tại Trạm Chẩn đoán xét nghiệm bệnh động, thực vật	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	27	15	9	Không Đạt	
340	QN0340	Hồ Xuân Khang	07/10/1993					Chẩn đoán, phân tích, xét nghiệm bệnh động vật tại Trạm Chẩn đoán xét nghiệm bệnh động, thực vật	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	48	18	19	Đạt	
341	QN0341	Trần Trường Thái	08/06/1989					Chẩn đoán, phân tích, xét nghiệm bệnh động vật tại Trạm Chẩn đoán xét nghiệm bệnh động, thực vật	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	26	19	12	Không Đạt	
342	QN0342	Dương Thế Quân	19/09/1990					Phòng Quản lý bảo vệ thực vật, phòng Bảo vệ thực vật	Chi cục Trồng trọt và BVTV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37	17	18	Đạt	
343	QN0343	Tô Tiến Nguyên Anh	28/10/1991		Người hoán thành nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân			Chuyên viên làm công tác hành chính tổng hợp ở bộ phận tổng hợp	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	42	18	19	Đạt	
344	QN0344	Dương Văn Dư	25/11/1992		Dân tộc Tày			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28	17	12	Không Đạt	
345	QN0345	Nguyễn Văn Điền	25/10/1990					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	36	18	17	Đạt	
346	QN0346	Nguyễn Đình Gương	05/3/1995					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	31	24	18	Đạt	
347	QN0347	Nguyễn Đức Linh	24/10/1990					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	26	14	10	Không Đạt	
348	QN0348	Đỗ Thành Long	11/02/1997					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	39	18	16	Đạt	
349	QN0349	Trần Duy Năng	12/11/1993					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	39	18	18	Đạt	
350	QN0350	Hoàng Văn Nhân	01/10/1993		Dân tộc Tày			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
351	QN0351	Nguyễn Thị Phương		25/07/1988				Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30	20	20	Đạt	
352	QN0352	Lý Sinh Quân	05/09/1993		Dân tộc Tày			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
353	QN0353	Nguyễn Văn Thành	04/6/1996					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	36	22	11	Không Đạt	
354	QN0354	Vy Văn Trường	18/4/1994		Dân tộc Tày			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40	20	20	Đạt	
355	QN0355	Nguyễn Văn Tuấn	23/11/1991					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	18	14	7	Không Đạt	
356	QN0356	Lê Thanh Tùng	12/12/1993					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban QL rừng phòng hộ hồ Yên Lập, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	23	13	15	Không Đạt	
357	QN0357	Trần Khánh An	27/09/1995		Dân tộc Tày			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40	19	22	Đạt	
358	QN0358	Tô Thiện An	11/3/1993					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	21	17	16	Không Đạt	
359	QN0359	Phạm Tuấn Anh	03/3/1996					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25	13	20	Không Đạt	
360	QN0360	Trần Văn Châu	21/8/1992		Dân tộc Sán chỉ			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	22	15	13	Không Đạt	
361	QN0361	Lý Văn Chiến	08/01/1990		Dân tộc Dao			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	43	21	12	Không Đạt	
362	QN0362	Mai Trung Đức	03/8/1990					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	36	18	17	Đạt	
363	QN0363	Lương Thị Hà		02/09/1995	Dân tộc Thái			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	27	16	9	Không Đạt	
364	QN0364	Hoàng Thị Lan Hương		10/04/1993				Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	39	19	17	Đạt	
365	QN0365	Hà Văn Huy	01/10/1995		Dân tộc Tày			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28	14	19	Không Đạt	
366	QN0366	Mạc Thị Ngần		08/03/1995				Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	38	18	18	Đạt	
367	QN0367	Chu Thị Phương		30/5/1991	Dân tộc Hoa			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
368	QN0368	Nguyễn Văn Quyết	05/10/1996					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25	20	14	Không Đạt	

STT	Số báo danh		Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2			5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
369	QN0369	Nguyễn Văn Tú	02/07/1990		Con thương binh			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	36	19	19	Đạt	
370	QN0370	Hoàng Minh Tuấn	15/7/1987		Dân tộc Tày			Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	38	21	19	Đạt	
371	QN0371	Mạc Văn Tuấn	14/5/1993					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	41	23	22	Đạt	
372	QN0372	Trần Văn Tùng	16/3/1990					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	43	19	17	Đạt	
373	QN0373	Trần Anh Vũ	07/7/1994					Kiểm lâm viên làm việc tại các trạm kiểm lâm địa bàn	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Sơn - Kỳ Thượng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	45	23	17	Đạt	
374	QN0374	Nguyễn Thị Thanh Huyền		21/12/1993				Chuyên giao kỹ thuật, Phòng Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật	Trung tâm Khuyến nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	32	19	14	Không Đạt	
375	QN0375	Nguyễn Trang Thư		21/11/1992				Chuyên giao kỹ thuật, Phòng Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật	Trung tâm Khuyến nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	35	21	20	Đạt	
376	QN0376	Nguyễn Thị Kim Hương		14/9/1976				Hành chính tổng hợp kiêm Văn thư lưu trữ và thủ quỹ, Phòng Hành chính, tổng hợp	Trung tâm Khuyến nông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	37	16	17	Đạt	
377	QN0377	Bản Hữu Chung	07/11/1996		Dân tộc Dao			Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	32	21	13	Không Đạt	
378	QN0378	Trần Thị Hằng		01/10/1997	Dân tộc Tày			Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	42	20	17	Đạt	
379	QN0379	Hoàng Văn Kiên	18/11/1989		Dân tộc Tày			Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	43	22	20	Đạt	
380	QN0380	Nguyễn Bảo Linh		08/7/1995				Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	27	18	17	Không Đạt	
381	QN0381	Phạm Thanh Sơn	04/01/1996					Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	34	21	18	Đạt	
382	QN0382	Nguyễn Thị Thảo		23/10/1994				Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	35	15	13	Không Đạt	
383	QN0383	Nguyễn Thị Thùy		20/11/1997				Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	38	22	20	Đạt	
384	QN0384	Ngô Thị Thu Trang		25/9/1980				Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	33	17	17	Đạt	
385	QN0385	Vũ Thị Thu Trang		29/5/1995				Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	27	16	19	Không Đạt	
386	QN0386	Lê Ánh Thủy Dương		18/10/1991				Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	48	21	25	Đạt	



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
387	QN0387	Đặng Toàn Việt	05/3/1997					Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	23	22	21	Không Đạt	
388	QN0388	Nông Thị Hồng Yến		11/5/1991	Dân tộc Nùng			Chuyên viên theo dõi hoạt động Trợ giúp pháp lý	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Sở Tư pháp	36	20	22	Đạt	
389	QN0389	Nguyễn Văn Trang	26/5/1990					Phòng Giáo vụ đào tạo	Trường Thể dục thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao	39	18	21	Đạt	
390	QN0390	Nguyễn Gia Linh		08/02/1978				Phòng Hành chính tổng hợp	Trường Thể dục thể thao	Sở Văn hóa và Thể thao	36	21	18	Đạt	
391	QN0391	Vũ Thị Linh		20/01/1993				Phòng Nghiệp vụ huấn luyện	Trung tâm Lặn cứu nạn và thể thao dưới nước (đã sáp nhập vào TT Huấn luyện và thi đấu TDTT)	Sở Văn hóa và Thể thao	35	18	19	Đạt	
392	QN0392	Đỗ Quang Long	22/01/1993					Phòng Nghiệp vụ huấn luyện	Trung tâm Lặn cứu nạn và thể thao dưới nước (đã sáp nhập vào TT Huấn luyện và thi đấu TDTT)	Sở Văn hóa và Thể thao	32	19	18	Đạt	
393	QN0393	Nguyễn Thị Kiều Oanh		16/9/1995				Phòng Nghiệp vụ huấn luyện	Trung tâm Lặn cứu nạn và thể thao dưới nước (đã sáp nhập vào TT Huấn luyện và thi đấu TDTT)	Sở Văn hóa và Thể thao	39	22	17	Đạt	
394	QN0394	Đinh Thị Trang		27/4/1995				Phòng Nghiệp vụ huấn luyện	Trung tâm Lặn cứu nạn và thể thao dưới nước (đã sáp nhập vào TT Huấn luyện và thi đấu TDTT)	Sở Văn hóa và Thể thao	34	18	17	Đạt	
395	QN0395	Đỗ Ngọc Anh	28/01/1994					Phòng Nghiệp vụ huấn luyện	Trung tâm Huấn luyện thi đấu	Sở Văn hóa và Thể thao	44	20	18	Đạt	
396	QN0396	Nguyễn Xuân Hiếu	13/4/1991					Phòng Nghiệp vụ huấn luyện/ HLV Vovinam	Trung tâm Huấn luyện thi đấu	Sở Văn hóa và Thể thao	39	18	17	Đạt	
397	QN0397	Nguyễn Thị Hường		10/6/1986			x	Phòng Quản lý tập luyện thi đấu/ Công nghệ thông tin	Trung tâm Huấn luyện thi đấu	Sở Văn hóa và Thể thao	42	Miễn	12	Không Đạt	
398	QN0398	Nguyễn Thị Thanh Thúy		18/12/1986			x	Phòng Quản lý tập luyện thi đấu/ Công nghệ thông tin	Trung tâm Huấn luyện thi đấu	Sở Văn hóa và Thể thao	50	Miễn	17	Đạt	
399	QN0399	Ngô Thủy Dung		12/10/1996				Phòng Quản lý tập luyện thi đấu/ Phục vụ tập luyện thi đấu	Trung tâm Huấn luyện thi đấu	Sở Văn hóa và Thể thao	52	21	16	Đạt	
400	QN0400	Vũ Đức Lai	30/10/1986					Phòng Quản lý tập luyện thi đấu/ Phục vụ tập luyện thi đấu	Trung tâm Huấn luyện thi đấu	Sở Văn hóa và Thể thao	32	13	11	Không Đạt	
401	QN0401	Bùi Tiến Thông	25/7/1982					Phòng Quản lý tập luyện thi đấu/ Phục vụ tập luyện thi đấu	Trung tâm Huấn luyện thi đấu	Sở Văn hóa và Thể thao	28	20	9	Không Đạt	
402	QN0402	Đỗ Văn Hội	12/7/1984					Phòng Quản lý tập luyện thi đấu/ Kỹ thuật điện	Trung tâm Huấn luyện thi đấu	Sở Văn hóa và Thể thao	39	16	17	Đạt	
403	QN0403	Bùi Quý Dương	23/7/1986					Phòng Hành chính tổng hợp	Trung tâm Huấn luyện thi đấu	Sở Văn hóa và Thể thao	46	22	17	Đạt	
404	QN0404	Nguyễn Thị Phương Thảo		21/10/1992				Phòng thông tin thư mục và phong trào cơ sở	Thư viện tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao	50	23	19	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
405	QN0405	Trần Hoàng Hưng		23/12/1987				Phòng Hành chính tổng hợp	Thư viện tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao	51	25	16	Đạt	
406	QN0406	Lam Thị Thu Hà		05/11/1993				Phòng Hành chính tổng hợp	Trung tâm văn hóa điện ảnh	Sở Văn hóa và Thể thao	50	23	18	Đạt	
407	QN0407	Nguyễn Thị Lành		28/02/1995				Phòng Hành chính tổng hợp	Trung tâm văn hóa điện ảnh	Sở Văn hóa và Thể thao	49	23	15	Đạt	
408	QN0408	Nguyễn Thị Quỳnh Nga		23/11/1995				Hành chính tổng hợp	Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh Quảng Ninh	Sở Tài nguyên và Môi trường	51	24	25	Đạt	
409	QN0409	Trần Thanh Ngân Hà		13/3/1996				Thực hiện công việc Hành chính - Quản trị tại Trung tâm	Trung tâm Công tác xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	35	18	24	Đạt	
410	QN0410	Lã Thanh Vân		20/10/1988				Cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho trẻ em tại Cơ sở	Cơ sở Bảo trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	48	20	23	Đạt	
411	QN0411	Vũ Thị Thanh Hà		01/3/1991				Thực hiện công việc Hành chính - Quản trị tại Cơ sở	Cơ sở Bảo trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	34	21	15	Đạt	
412	QN0412	Nguyễn Thị Lan		08/4/1994				Thực hiện công việc Hành chính - Quản trị tại Cơ sở	Cơ sở Bảo trợ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	39	21	22	Đạt	
413	QN0413	Nguyễn Quang Doan		24/6/1978	Bộ đội xuất ngũ			Nhân viên phòng Dạy nghề-Lao động sản xuất: Bồi trí, theo dõi đối tượng tham gia các hoạt động học nghề, tổ chức hoạt động lao động trị liệu cho đối tượng tại Cơ sở	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	33	18	17	Đạt	
414	QN0414	Hoàng Văn Tuấn		27/02/1984				Nhân viên phòng Dạy nghề-Lao động sản xuất: Bồi trí, theo dõi đối tượng tham gia các hoạt động học nghề, tổ chức hoạt động lao động trị liệu cho đối tượng tại Cơ sở	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	39	21	18	Đạt	
415	QN0415	Đỗ Thị Tuyết Ngọc		26/9/1980				Nhân viên phòng Dạy nghề-Lao động sản xuất: Bồi trí, theo dõi đối tượng tham gia các hoạt động học nghề, tổ chức hoạt động lao động trị liệu cho đối tượng tại Cơ sở	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	34	19	17	Đạt	
416	QN0416	Mạc Như Tường		19/12/1985	Bộ đội xuất ngũ			Nhân viên phòng Giáo dục-Tái hòa nhập cộng đồng: tư vấn, giáo dục đối tượng; Tổ chức các hoạt động giao ban chuyên đề, sinh hoạt tập thể; Tư vấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho đối tượng tại Cơ sở	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	38	25	27	Đạt	
417	QN0417	Thần Văn Hưng		25/5/1984	Bộ đội xuất ngũ			Nhân viên phòng Giáo dục-Tái hòa nhập cộng đồng: tư vấn, giáo dục đối tượng; Tổ chức các hoạt động giao ban chuyên đề, sinh hoạt tập thể; Tư vấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho đối tượng tại Cơ sở	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	38	21	21	Đạt	
418	QN0418	Đặng Thị Thu Hiền		25/12/1992				Nhân viên phòng Giáo dục-Tái hòa nhập cộng đồng: tư vấn, giáo dục đối tượng; Tổ chức các hoạt động giao ban chuyên đề, sinh hoạt tập thể; Tư vấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho đối tượng tại Cơ sở	Cơ sở Cai nghiện ma túy	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
419	QN0419	Vũ Thị Phương		25/7/1990				Thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản, hạch toán thu chi nguồn ngân sách và các nguồn kinh phí khác tại đơn vị.	Trung tâm Điều dưỡng Người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	35	22	20	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
420	QN0420	Nguyễn Phương Thủy		03/8/1991				Thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản, hạch toán thu chi nguồn ngân sách và các nguồn kinh phí khác tại đơn vị.	Trung tâm Điều dưỡng Người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	37	22	20	Đạt	
421	QN0421	Nguyễn Gia Khánh	15/8/1988					Nghiên cứu, phát triển hạ tầng Công nghệ thông tin	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	41	23	19	Đạt	
422	QN0422	Trần Mạnh Cường	27/02/1986				x	Quản trị, vận hành Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	38	Miễn	22	Đạt	
423	QN0423	Trần Hồng Ngọc	21/02/1991				x	Quản trị, vận hành Trung tâm kiểm soát an toàn thông tin mạng	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	41	Miễn	19	Đạt	
424	QN0424	Bùi Anh Tuấn	19/07/1974					Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy phép vận tải; thực hiện cấp giấy phép vận tải đường bộ Việt-Trung	Trạm Quản lý vận tải quá cảnh đường bộ Việt - Trung	Sở Giao thông vận tải	31	24	24	Đạt	
425	QN0425	Nguyễn Đức Long	10/10/1963			x		Tiếp nhận, kiểm tra, dịch thuật hồ sơ, các giấy tờ liên quan về đề nghị cấp giấy phép vận tải; thực hiện cấp giấy phép vận tải đường bộ Việt-Trung	Trạm Quản lý vận tải quá cảnh đường bộ Việt - Trung	Sở Giao thông vận tải	40	28	Miễn	Đạt	
426	QN0426	Lê Thị Thắm		18/01/1995				Khám chữa bệnh	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	36	21	22	Đạt	
427	QN0427	Đỗ Văn Mạnh	20/01/1981					Khám chữa bệnh	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
428	QN0428	Đinh Thị Quyên		6/12/1993				Khám chữa bệnh	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	27	23	22	Không Đạt	
429	QN0429	Trần Thị Dung		28/10/1990	Dân tộc sản chi	x		Khám chữa bệnh	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	Bỏ thi	Bỏ thi	Miễn	Không Đạt	
430	QN0430	Nông Thị Thương		17/06/1993				Khám chữa bệnh	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	33	20	20	Đạt	
431	QN0431	Đỗ Thị Hồng Nhung		10/07/1994				Khám chữa bệnh	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	32	18	18	Đạt	
432	QN0432	Trần Minh Trang		11/12/1997				Thực hiện công tác vật lý trị liệu/phục hồi chức năng	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	28	18	20	Không Đạt	
433	QN0433	Nguyễn Thanh Phương		25/11/1994				Thực hiện chăm sóc người bệnh, Quản lý điều dưỡng	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	31	18	19	Đạt	
434	QN0434	Tô Thị Huệ		08/05/1988				Thực hiện chăm sóc người bệnh, Quản lý điều dưỡng	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	33	18	21	Đạt	
435	QN0435	Bùi Như Quỳnh		16/05/1997				Thực hiện chăm sóc người bệnh, Quản lý điều dưỡng	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	23	15	14	Không Đạt	
436	QN0436	Bùi Văn Cường	07/04/1990					Thực hiện chăm sóc người bệnh, Quản lý điều dưỡng	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	33	21	19	Đạt	
437	QN0437	Đinh Nguyễn Ngọc Diệp		01/02/1996				Quản lý, thực hiện công tác Dược	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	41	21	17	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
438	QN0438	Phạm Ngọc Hương		29/05/1996				Quản lý, thực hiện công tác Dược	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	48	25	25	Đạt	
439	QN0439	Mai Huyền Trang		18/08/1988				Quản lý, thực hiện công tác Dược	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	30	18	15	Đạt	
440	QN0440	Trần Thị Duyên		12/04/1987	Con bệnh binh			Thực hiện công tác tài chính, kế hoạch	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	40	18	20	Đạt	
441	QN0441	Nguyễn Văn Phương	27/10/1992					Thực hiện công tác tài chính, kế hoạch	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	36	17	18	Đạt	
442	QN0442	Nguyễn Mạnh Thắng	08/02/1990					Thực hiện công tác tài chính, kế hoạch	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	44	25	23	Đạt	
443	QN0443	Đoàn Nhật Linh		04/11/1993				Thực hiện công tác tài chính, kế hoạch	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	44	23	24	Đạt	
444	QN0444	Phạm Ngọc Sơn	05/08/1990					Thực hiện công tác tài chính, kế hoạch	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
445	QN0445	Nguyễn Lương Tuyền	16/09/1981					Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, hướng dẫn sử dụng các thiết bị y tế	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	36	18	19	Đạt	
446	QN0446	Nguyễn Văn Vĩnh	15/2/1989					Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, hướng dẫn sử dụng các thiết bị y tế	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	44	21	22	Đạt	
447	QN0447	Nguyễn Thị Thanh Thư		30/11/1995				Quản lý, xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các công việc liên quan đến chất lượng bệnh viện	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	39	24	27	Đạt	
448	QN0448	Nguyễn Quyết Tiến	30/07/1992				x	Thực hiện công tác công nghệ thông tin và công tác truyền thông	Bệnh viện Lão khoa	Sở Y tế	Bỏ thi	Miễn	Bỏ thi	Không Đạt	
449	QN0449	Đoàn Kiên Cường	14/5/1987					Khám chữa bệnh tại các khoa: Khoa bán cấp tính nữ, khoa bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	21	15	20	Không Đạt	
450	QN0450	Nguyễn Thanh Hương		14/5/1987				Khám chữa bệnh tại các khoa: Khoa bán cấp tính nữ, khoa bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	42	24	24	Đạt	
451	QN0451	Đào Thị Hồng Nhung		29/6/1988				Khám chữa bệnh tại các khoa: Khoa bán cấp tính nữ, khoa bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	39	25	20	Đạt	
452	QN0452	Cao Thị Thanh Tâm		13/10/1986				Khám chữa bệnh tại các khoa: Khoa bán cấp tính nữ, khoa bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	34	22	21	Đạt	
453	QN0453	Hoàng Thị Nga		04/9/1987				Khám chữa bệnh tại các khoa: Khoa bán cấp tính nữ, khoa bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	27	25	19	Không Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
454	QN0454	Bùi Diệu Thuần		24/01/1986				Khám chữa bệnh tại các khoa: Khoa bán cấp tính nữ, khoa bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	33	19	18	Đạt	
455	QN0455	Đình Văn Long	16/02/1988					Khám chữa bệnh tại các khoa: Khoa bán cấp tính nữ, khoa bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	33	27	19	Đạt	
456	QN0456	Vũ Thị Minh Hằng		07/2/1991				Khám chữa bệnh tại các khoa: Khoa bán cấp tính nữ, khoa bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	40	23	23	Đạt	
457	QN0457	Trương Hồng Vinh	13/11/1985		Dân tộc Sán diu			Khám chữa bệnh tại các khoa: Khoa bán cấp tính nữ, khoa bán cấp tính nam, cấp tính, điều trị tổng hợp, rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây nghiện, khám bệnh, cận lâm sàng	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	34	23	16	Đạt	
458	QN0458	Nguyễn Thị Huyền		07/10/1989				Làm công tác tâm lý học tại khoa cận lâm sàng	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	34	21	22	Đạt	
459	QN0459	Bùi Việt Dũng	05/5/1985				x	Xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của bệnh viện, trình phê duyệt và tổ chức thực hiện	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	40	Miễn	20	Đạt	
460	QN0460	Trần Thị Thanh Bình		07/02/1991				Làm công tác kế toán tổng hợp, kế toán bảo hiểm y tế	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	41	23	28	Đạt	
461	QN0461	Trần Thị Hồng Ninh		07/7/1990				Làm công tác kế toán tổng hợp, kế toán bảo hiểm y tế	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	40	23	22	Đạt	
462	QN0462	Nguyễn Thị Kim Chi		21/5/1988				Làm công tác kế toán tổng hợp, kế toán bảo hiểm y tế	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	35	24	19	Đạt	
463	QN0463	Lê Thu Oanh		24/9/1989				Làm công tác kế toán tổng hợp, kế toán bảo hiểm y tế	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	44	25	22	Đạt	
464	QN0464	Đặng Anh Cường		19/01/1991	Con thương binh			Quản lý công tác trang thiết bị y tế trong Bệnh viện	Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần	Sở Y tế	30	20	23	Đạt	
465	QN0465	Ninh Văn Tường	25/09/1981					Thực hiện công tác hành chính, quản trị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	38	20	24	Đạt	
466	QN0466	Lý Tự Trọng	06/10/1984					Tham gia khám chữa bệnh tại Phòng khám đa khoa của đơn vị, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	29	19	23	Không Đạt	
467	QN0467	Nguyễn Thị Trang		22/08/1989				Tham gia khám chữa bệnh tại Phòng khám đa khoa của đơn vị, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	39	14	23	Không Đạt	
468	QN0468	Đình Văn Quảng	16/05/1984					Tham gia khám chữa bệnh tại Phòng khám đa khoa của đơn vị, khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	32	26	26	Đạt	
469	QN0469	Nguyễn Ngọc Yến		12/09/1995				Thực hiện công tác quản lý giám sát chương trình y tế trường học, các chương trình y tế khác	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	44	25	23	Đạt	
470	QN0470	Bùi Thanh Nam	04/10/1994					Thực hiện công tác quản lý giám sát chương trình y tế trường học, các chương trình y tế khác	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	42	23	25	Đạt	



STT	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Đổi tương đương	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Chú chú
		Năm	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	1	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
471	QN0471	Phạm Thị Ngọc Anh	11/12/1994				Thực hiện công tác quản lý giám sát chương trình y tế trường học, các chương trình y tế khác	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	46	24	23	Đạt	
472	QN0472	Hoàng Mạnh Tùng	16/03/1994				Thực hiện công tác quản lý giám sát chương trình y tế trường học, các chương trình y tế khác	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	46	24	27	Đạt	
473	QN0473	Hoàng Quốc Việt	23/10/1993				Thực hiện công tác quản lý giám sát chương trình y tế trường học, các chương trình y tế khác	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	44	24	22	Đạt	
474	QN0474	Nguyễn Thanh Công	03/11/1995				Thực hiện công tác quản lý giám sát chương trình y tế trường học, các chương trình y tế khác	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	43	24	26	Đạt	
475	QN0475	Đoàn Diệu Hương	30/08/1994				Thực hiện công tác quản lý giám sát chương trình y tế trường học, các chương trình y tế khác	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	42	23	16	Đạt	
476	QN0476	Vũ Bảo Tú	06/01/1995				Thực hiện công tác quản lý giám sát chương trình y tế trường học, các chương trình y tế khác	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	44	26	27	Đạt	
477	QN0477	Nguyễn Kiều Đồng Hoàng	21/09/1994				Thực hiện công tác quản lý giám sát chương trình y tế trường học, các chương trình y tế khác	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	50	27	21	Đạt	
478	QN0478	Lê Văn Thắng	05/08/1995				Thực hiện công tác quản lý giám sát chương trình y tế trường học, các chương trình y tế khác	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	31	23	26	Đạt	
479	QN0479	Trình Thị Ngọc	26/01/1991				Thực hiện công tác quản lý giám sát chương trình y tế trường học, các chương trình y tế khác	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	33	24	23	Đạt	
480	QN0480	Nguyễn Thị Hiền	24/08/1981				Thực hiện công tác xét nghiệm thực phẩm tại khoa Hóa sinh và khoa vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	36	22	25	Đạt	
481	QN0481	Đặng Mạnh Hiếu	06/03/1989		X		Thực hiện công tác xét nghiệm thực phẩm tại khoa Hóa sinh và khoa vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	33	25	Miễn	Đạt	
482	QN0482	Trần Thị Phương Huyền	30/10/1997				Thực hiện công tác xét nghiệm thực phẩm tại khoa Hóa sinh và khoa vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	47	21	24	Đạt	
483	QN0483	Nguyễn Thị Hương Thảo	29/07/1991				Thực hiện công tác xét nghiệm thực phẩm tại khoa Hóa sinh và khoa vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	42	21	18	Đạt	
484	QN0484	Nguyễn Thị Kim Dung	09/08/1996				Thực hiện công tác xét nghiệm thực phẩm tại khoa Hóa sinh và khoa vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	48	25	26	Đạt	
485	QN0485	Hoàng Thị Hà	26/03/1992				Thực hiện công tác xét nghiệm thực phẩm tại khoa Hóa sinh và khoa vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	41	17	14	Không Đạt	
486	QN0486	Nguyễn Thị thu Huyền	08/04/1986				Thực hiện công tác xét nghiệm thực phẩm tại khoa Hóa sinh và khoa vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	36	23	23	Đạt	
487	QN0487	Đặng Thị Quỳnh Nga	03/09/1996				Thực hiện công tác xét nghiệm thực phẩm tại khoa Hóa sinh và khoa vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	45	20	18	Đạt	
488	QN0488	Nguyễn Thị Bích Ngọc	04/03/1992				Thực hiện công tác xét nghiệm thực phẩm tại khoa Hóa sinh và khoa vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	41	24	24	Đạt	
489	QN0489	Nguyễn Minh Nguyễn	19/09/1990				Thực hiện công tác xét nghiệm thực phẩm tại khoa Hóa sinh và khoa vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	27	24	20	Không Đạt	
490	QN0490	Phạm Thị Thanh	27/12/1996				Thực hiện công tác xét nghiệm thực phẩm tại khoa Hóa sinh và khoa vi sinh huyết học	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	35	19	22	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
491	QN0491	Bùi Thị Hương Thu		03/5/1994				Tham gia quản lý, giám sát môi trường y tế, môi trường lao động	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	47	21	21	Đạt	
492	QN0492	Nguyễn Thị Mai Linh		20/7/1996				Thực hiện công tác giám sát cộng đồng các chương trình y tế	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	30	26	22	Đạt	
493	QN0493	Đỗ Thái Hoàn	30/7/1989					Quản trị Website và các kênh truyền thông, thực hiện kỹ thuật phim trường và ứng dụng CNTT trong truyền thông	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	38	26	22	Đạt	
494	QN0494	Hoàng Hải Yến		07/8/1991				Quản trị Website và các kênh truyền thông, thực hiện kỹ thuật phim trường và ứng dụng CNTT trong truyền thông	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	35	20	21	Đạt	
495	QN0495	Nguyễn Ngọc Phương		07/02/1986				Thực hiện công tác truyền thông của đơn vị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	46	21	13	Không Đạt	
496	QN0496	Phạm Tuấn Anh	10/01/1993					Thực hiện công tác truyền thông của đơn vị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	29	16	21	Không Đạt	
497	QN0497	Nguyễn Minh Khánh	03/12/1993					Thực hiện công tác truyền thông của đơn vị	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Sở Y tế	22	20	8	Không Đạt	
498	QN0498	Lê Minh Thắng	08/12/1989					Khám nghiệm pháp y tử thi, pháp y thương tích, hỗ trợ thi hành án tử hình	Trung tâm Pháp y	Sở Y tế	33	22	20	Đạt	
499	QN0499	Nguyễn Minh Hằng		24/9/1987				Thực hiện các công tác thu chi tài chính của đơn vị, lập báo cáo tài chính, dự toán tài chính, kiểm kê tài sản...	Trung tâm Pháp y	Sở Y tế	50	17	23	Đạt	
500	QN0500	Nguyễn Hoàng Anh		03/9/1992				Thực hiện các công tác thu chi tài chính của đơn vị, lập báo cáo tài chính, dự toán tài chính, kiểm kê tài sản...	Trung tâm Pháp y	Sở Y tế	34	18	20	Đạt	
501	QN0501	Nguyễn Hữu Ái		08/10/1997				Kiểm nghiệm viên thực hiện công tác kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng tại phòng chuyên môn	Trung tâm Kiểm nghiệm	Sở Y tế	39	24	8	Không Đạt	
502	QN0502	Ngô Lê Mai Quế		18/11/1989				Kiểm nghiệm viên thực hiện công tác kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng tại phòng chuyên môn	Trung tâm Kiểm nghiệm	Sở Y tế	46	20	22	Đạt	
503	QN0503	Hoàng Thị Mai Anh		30/6/1993	Dân tộc Tây	x		Thực hiện công tác Dược	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	54	21	Miễn	Đạt	
504	QN0504	Lô Tiến Dũng	28/7/1989		Dân tộc Tây	x		Thực hiện công tác Dược	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	46	23	Miễn	Đạt	
505	QN0505	Hoàng Thủy Linh		09/8/1989	Dân tộc Tây	x		Theo dõi, quản lý công tác Dân số	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	57	20	Miễn	Đạt	
506	QN0506	Vi Văn Tiến	07/5/1995		Dân tộc Tây	x		Khám chữa bệnh	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	39	21	Miễn	Đạt	
507	QN0507	Nguyễn Như Lợi	10/3/1986					Khám chữa bệnh y dược cổ truyền	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	47	21	13	Không Đạt	
508	QN0508	Hoàng Tiến Hà	22/10/1986		Dân tộc Tây	x		Thực hiện công tác xét nghiệm	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	43	21	Miễn	Đạt	
509	QN0509	Mê Minh Hải	15/4/1990		Dân tộc Tây	x		Theo dõi, quản lý trang thiết bị, vật tư y tế	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	52	21	Miễn	Đạt	
510	QN0510	Hoàng Trung Hiếu	25/7/1996		Dân tộc Tây	x		Theo dõi, phân tích và chẩn đoán sức khỏe cộng đồng	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	48	16	Miễn	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
511	QN0511	Lê Xuân Dũng	16/12/1996		Dân tộc Tây	x		Thực hiện công tác xét nghiệm	Trung tâm Y tế huyện Bình Liêu	Sở Y tế	38	20	Miễn	Đạt	
512	QN0512	Y Hiệu		28/8/1987	Dân tộc Xê Đăng			Dược sỹ	Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà	Sở Y tế	30	18	21	Đạt	
513	QN0513	Vì Văn Hợp	03/5/1989		Dân tộc Tây			Dược sỹ	Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà	Sở Y tế	41	23	10	Không Đạt	
514	QN0514	Đặng Thị Hoài Thu		16/12/1993				Dược sỹ	Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà	Sở Y tế	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
515	QN0515	Bùi Đức Anh	28/8/1985					Khám chữa bệnh	Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà	Sở Y tế	34	22	10	Không Đạt	
516	QN0516	Nguyễn Mạnh Hùng	01/7/1987					Khám chữa bệnh	Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà	Sở Y tế	23	11	21	Không Đạt	
517	QN0517	Nguyễn Văn Sùng	21/5/1971					Khám chữa bệnh	Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà	Sở Y tế	36	22	18	Đạt	
518	QN0518	Nguyễn Đức Tuyển	28/8/1973					Khám chữa bệnh	Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà	Sở Y tế	34	17	20	Đạt	
519	QN0519	Đinh Thị Thảo		10/3/1986	Con bệnh binh			Khám chữa bệnh y học cổ truyền	Trung tâm Y tế huyện Đầm Hà	Sở Y tế	34	17	10	Không Đạt	
520	QN0520	Đinh Trần Chiến	30/08/1994				x	Quản trị mạng, phần mềm quản lý bệnh viện	Trung tâm Y tế Đầm Hà	Sở Y tế	43	Miễn	25	Đạt	
521	QN0521	Đàm Văn Nồng	18/5/1986		Dân tộc Sán chỉ	x		Thực hiện công tác Dược	Trung tâm Y tế huyện Ba Chẽ	Sở Y tế	34	19	Miễn	Đạt	
522	QN0522	Phan Tất Thành	26/01/1987				x	Phụ trách Công nghệ thông tin của đơn vị, quản lý phần mềm khám chữa bệnh, website của đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Ba Chẽ	Sở Y tế	34	Miễn	26	Đạt	
523	QN0523	Hà Văn Hòa	14/03/1993		Dân tộc Tây			Khám, chữa bệnh	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	Sở Y tế	32	19	19	Đạt	
524	QN0524	Bùi Duy Khánh	04/01/1995					Khám, chữa bệnh	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	Sở Y tế	39	26	26	Đạt	
525	QN0525	Trịnh Thị Hương		26/6/1992			x	Công nghệ thông tin	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	Sở Y tế	36	Miễn	25	Đạt	
526	QN0526	Tạ Thị Thương		02/11/1986	Dân tộc Sán Diu			Khám chữa bệnh định hướng Gây mê hồi sức	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	Sở Y tế	34	25	28	Đạt	
527	QN0527	Phạm Ngọc Hiến	18/08/1987					Khám, chữa bệnh tại Phòng viện Quan Lạn	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	Sở Y tế	38	18	21	Đạt	
528	QN0528	Hoàng Thị Anh		08/10/1988				Khám, chữa bệnh	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	Sở Y tế	23	25	26	Không Đạt	
529	QN0529	Đào Thị Hồng Hạnh		17/8/1986				Khám, chữa bệnh	Trung tâm Y tế huyện Văn Đồn	Sở Y tế	39	16	18	Đạt	
530	QN0530	Ngô Thị Phương		31/10/1971				Thực hiện công tác điều trị trực tiếp và tư vấn cho bệnh nhân Methadone	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	39	22	26	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
531	QN0531	Nguyễn Thị Linh		02/09/1987				Thực hiện công tác Y tế dự phòng	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	47	22	25	Đạt	
532	QN0532	Trần Văn Bình	09/07/1985		Dân tộc Sán diu			Khám chữa bệnh đa khoa	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	28	24	24	Không Đạt	
533	QN0533	Hoàng Mạnh Tường	22/10/1989				x	Phụ trách Công nghệ thông tin của đơn vị; quản lý phần mềm khám chữa bệnh; website của đơn vị	Trung tâm Y tế TP Hạ Long	Sở Y tế	39	Miễn	18	Đạt	
534	QN0534	Nguyễn Thị Thảo		11/03/1990				Khám chữa bệnh	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	44	21	24	Đạt	
535	QN0535	Nguyễn Thị Giang		05/09/1985				Khám, chữa bệnh y dược cổ truyền	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	40	20	19	Đạt	
536	QN0536	Lê Thị Thu Hiền		12/04/1990				Khám, chữa bệnh y dược cổ truyền	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	41	17	28	Đạt	
537	QN0537	Nguyễn Thanh Thủy		15/08/1972				Khám chữa bệnh chuyên ngành Sản - phụ khoa, thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	30	19	21	Đạt	
538	QN0538	Vũ Văn Thiện	25/10/1973					Khám chữa bệnh	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	23	22	22	Không Đạt	
539	QN0539	Đồng Hữu Thuận	22/05/1993					Thực hiện công tác Y tế dự phòng	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	30	20	17	Đạt	
540	QN0540	Đỗ Thị Thu Hà		27/07/1994				Thực hiện công tác Y tế dự phòng	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	39	19	21	Đạt	
541	QN0541	Trần Lê Dung		15/11/1980				Thực hiện chăm sóc người bệnh, Quản lý điều dưỡng	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	30	19	17	Đạt	
542	QN0542	Nguyễn Ngọc Trung	12/12/1982				x	Phụ trách Công nghệ thông tin	Trung tâm Y tế thành phố Uông Bí	Sở Y tế	24	Miễn	12	Không Đạt	
543	QN0543	Khổng Thế Lực	26/02/1983					Bác sĩ lâm việc tại khoa Y tế Công cộng	Trung tâm Y tế TP Cẩm Phả	Sở Y tế	37	18	20	Đạt	
544	QN0544	Lý Thị Ngọc	14/5/1988		Dân tộc Dao			Bác sĩ lâm việc tại khoa Y tế Công cộng	Trung tâm Y tế TP Cẩm Phả	Sở Y tế	30	16	11	Không Đạt	
545	QN0545	Nguyễn Thị Hoàng Linh		01/03/1987				Thực hiện công tác kế toán của đơn vị	Trung Tâm Y Tế huyện Tiên Yên	Sở Y tế	49	21	22	Đạt	
546	QN0546	Nguyễn Thị Hải Phương		20/11/1994				Thực hiện công tác kế toán của đơn vị	Trung Tâm Y Tế huyện Tiên Yên	Sở Y tế	32	11	20	Không Đạt	
547	QN0547	Trịnh Công Viết	20/12/1984					Theo dõi, quản lý trang thiết bị, vật tư y tế	Trung Tâm Y Tế huyện Tiên Yên	Sở Y tế	48	23	21	Đạt	
548	QN0548	Trần Quang Điện	24/3/1980					Thực hiện công tác y tế dự phòng	Trung tâm Y tế huyện Hải Hà	Sở Y tế	31	19	21	Đạt	
549	QN0549	Hoàng Thị Kim Ngân		06/11/1981				Thực hiện nhiệm vụ của ngạch hộ sinh	Trung tâm Y tế huyện Hải Hà	Sở Y tế	34	23	22	Đạt	
550	QN0550	Nguyễn Hoàng Hà		04/12/1989				Khám bệnh và chữa bệnh bằng YHCT	TTYT huyện Cô Tô	Sở Y tế	35	20	25	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
551	QN0551	Trần Thành Quang	09/6/1992					Làm việc tại khoa Khám bệnh - Cấp cứu lĩnh vực Gây mê hồi sức	TTYT huyện Cô Tô	Sở Y tế	47	20	20	Đạt	
552	QN0552	Nguyễn Thị Hằng		02/02/1983				Hành chính tổng hợp kiểm thu phí	Phòng Hành chính - Quản trị	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
553	QN0553	Đặng Thị Thu Hậu		27/07/1990				Hành chính tổng hợp kiểm thu phí	Phòng Hành chính - Quản trị	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	50	23	20	Đạt	
554	QN0554	Nguyễn Thị Yến		11/11/1989				Tổng hợp kiểm văn thư lưu trữ	Phòng Hành chính - Quản trị	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	33	23	24	Đạt	
555	QN0555	Nguyễn Ngọc Yến		07/06/1991				Hành chính một cửa	Phòng Tiếp nhận và Giải quyết thủ tục hành chính	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	48	23	22	Đạt	
556	QN0556	Vũ Duy Tân	09/10/1989			x	x	Quản trị hệ thống mạng Lan, Wan của Trung tâm đảm bảo kết nối thông suốt, xử lý, bảo trì và báo cáo kết quả hoạt động của hệ thống mạng Lan, wan; quản trị trang dichvucong.quangninh.gov.vn; quản trị trang thông tin điện tử thành phần của Trung tâm	Phòng Tiếp nhận và Giải quyết thủ tục hành chính	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	45	Miễn	Miễn	Đạt	
557	QN0557	Tô Thị Thái Hà		17/10/1991		x		Giảng dạy Khoa Du lịch	Khoa Du lịch	Trường Đại học Hạ Long	30	19	Miễn	Đạt	
558	QN0558	Lưu Thị Thanh Hòa		21/9/1988				Giảng dạy khoa Văn hóa	Khoa Văn hóa	Trường Đại học Hạ Long	36	26	23	Đạt	
559	QN0559	Trịnh Thị Vân		05/6/1990			x	Giảng dạy Công nghệ thông tin	Khoa Công nghệ thông tin	Trường Đại học Hạ Long	34	Miễn	17	Đạt	
560	QN0560	Nguyễn Xuân Bách	27/7/1986				x	Giảng dạy kiểm kỹ thuật viên công nghệ thông tin	Khoa Công nghệ thông tin	Trường Đại học Hạ Long	35	Miễn	20	Đạt	
561	QN0561	Mai Thị Hoa Huệ		01/11/1982			x	Giảng dạy kiểm kỹ thuật viên công nghệ thông tin	Khoa Công nghệ thông tin	Trường Đại học Hạ Long	43	Miễn	19	Đạt	
562	QN0562	Hoàng Thị Thu Hà		12/12/1986	Con thương binh	x		Giảng dạy Tiếng Anh	Khoa Ngoại ngữ	Trường Đại học Hạ Long	39	27	Miễn	Đạt	
563	QN0563	Bùi Thị Huyền		26/02/1991		x		Giảng dạy Tiếng Anh	Khoa Ngoại ngữ	Trường Đại học Hạ Long	41	23	Miễn	Đạt	
564	QN0564	Trần Thị Thu Hương		14/4/1988		x		Giảng dạy Tiếng Anh	Khoa Ngoại ngữ	Trường Đại học Hạ Long	32	25	Miễn	Đạt	
565	QN0565	Bùi Bích Phương		16/7/1993		x		Giảng dạy Tiếng Anh	Khoa Ngoại ngữ	Trường Đại học Hạ Long	44	25	Miễn	Đạt	
566	QN0566	Trần Đại Dương	02/8/1986					Hành chính	Trung tâm Thực hành và Dịch vụ du lịch	Trường Đại học Hạ Long	38	27	24	Đạt	
567	QN0567	Đinh Thế Hùng	14/01/1989					Hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ	Trường Đại học Hạ Long	28	19	21	Không Đạt	
568	QN0568	Nguyễn Việt Thành	23/7/1990				x	Hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ	Trường Đại học Hạ Long	37	Miễn	18	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
569	QN0569	Đỗ Thị Bình		27/7/1981			x	Hành chính	Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ	Trường Đại học Hạ Long	42	Miễn	20	Đạt	
570	QN0570	Nguyễn Văn Huỳnh	22/8/1989					Giảng dạy Tiểu học	Trường Thực hành Sư phạm	Trường Đại học Hạ Long	38	27	22	Đạt	
571	QN0571	Trần Thị Huyền		09/3/1983	Con bệnh binh			Hành chính - Văn thư lưu trữ	Phòng Hành chính - Quản trị	Trường Đại học Hạ Long	36	16	17	Đạt	
572	QN0572	Hoàng Thị Thùy Linh		25/11/1987				Hợp tác quốc tế	Phòng Hợp tác quốc tế - Quản lý khoa học	Trường Đại học Hạ Long	38	19	25	Đạt	
573	QN0573	Lê Phương Anh		28/8/1992				Hành chính	Trung tâm Thực hành nghệ thuật	Trường Đại học Hạ Long	45	23	22	Đạt	
574	QN0574	Vũ Minh Ngọc		25/9/1992				Hành chính kiêm lưu trữ	Trung tâm Thông tin - Thư viện	Trường Đại học Hạ Long	11	16	22	Không Đạt	
575	QN0575	Mai Phi Hải	18/5/1986		Dân tộc Tày			Hành chính	Trung tâm Hỗ trợ sinh viên	Trường Đại học Hạ Long	43	24	20	Đạt	
576	QN0576	Nguyễn Văn Khánh	28/08/1991					Xây dựng chương trình, kế hoạch bảo tồn, sử dụng và phát triển bền vững tài nguyên đa dạng sinh học; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ; quản lý hồ sơ rừng đặc dụng; tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	BQL Vườn Quốc gia Bái Tử Long	25	22	22	Không Đạt	
577	QN0577	Trần Thị Mai Đình		03/01/1986				Nghiên cứu, xây dựng, đề xuất và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; dự án môi trường phục vụ công tác bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên biển; Nghiên cứu, đánh giá môi trường biển, đất ngập nước; thực hiện các giải pháp quản lý, biện pháp phòng, ngừa ô nhiễm, dịch bệnh.	Phòng Bảo tồn Biển, đất ngập nước	BQL Vườn Quốc gia Bái Tử Long	43	13	17	Không Đạt	
578	QN0578	Đào Thu Thủy		06/05/1996				Nghiên cứu, xây dựng, đề xuất và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; dự án môi trường phục vụ công tác bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên biển; Nghiên cứu, đánh giá môi trường biển, đất ngập nước; thực hiện các giải pháp quản lý, biện pháp phòng, ngừa ô nhiễm, dịch bệnh.	Phòng Bảo tồn Biển, đất ngập nước	BQL Vườn Quốc gia Bái Tử Long	34	21	16	Đạt	
579	QN0579	Phạm Duy Chiến	23/05/1994					Kiểm lâm viên Tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản và bảo vệ môi trường Vườn quốc gia	Hạt Kiểm lâm	BQL Vườn Quốc gia Bái Tử Long	22	15	14	Không Đạt	
580	QN0580	Trần Tiến Hùng	31/05/1995					Kiểm lâm viên Tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản và bảo vệ môi trường Vườn quốc gia	Hạt Kiểm lâm	BQL Vườn Quốc gia Bái Tử Long	46	23	22	Đạt	
581	QN0581	Nguyễn Hải Phong	25/01/1988					Kiểm lâm viên Tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản và bảo vệ môi trường Vườn quốc gia	Hạt Kiểm lâm	BQL Vườn Quốc gia Bái Tử Long	37	15	17	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đổi tương ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú	
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học									
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
582	QN0582	Nguyễn Văn Thịnh	14/12/1991						Kiểm làm viên Tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản và bảo vệ môi trường Vườn quốc gia	Hạt Kiểm lâm	BQL Vườn Quốc gia Bái Tử Long	18	16	20	Không Đạt	
583	QN0583	Nguyễn Đức Thắng	06/07/1993						Kiểm làm viên Tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản và bảo vệ môi trường Vườn quốc gia	Hạt Kiểm lâm	BQL Vườn Quốc gia Bái Tử Long	30	21	18	Đạt	
584	QN0584	Trần Đức Tùng	29/07/1992						Kiểm làm viên Tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, thủy sản và bảo vệ môi trường Vườn quốc gia	Hạt Kiểm lâm	BQL Vườn Quốc gia Bái Tử Long	23	16	21	Không Đạt	
585	QN0585	Trần Thị Trần Anh	13/02/1994						Xúc tiến đầu tư	Phòng Xúc tiến đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	48	27	26	Đạt	
586	QN0586	Tạ Văn Chung	20/11/1989			x			Xúc tiến đầu tư	Phòng Xúc tiến đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	47	27	Miễn	Đạt	
587	QN0587	Phạm Khánh Linh	24/01/1995						Xúc tiến đầu tư	Phòng Xúc tiến đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	40	28	28	Đạt	
588	QN0588	Bàn Thủy Linh	04/09/1997						Xúc tiến đầu tư	Phòng Xúc tiến đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	24	20	18	Không Đạt	
589	QN0589	Nguyễn Thái Sơn	03/03/1991			x			Xúc tiến đầu tư	Phòng Xúc tiến đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	45	25	Miễn	Đạt	
590	QN0590	Nguyễn Quang Trung	07/09/1995			x			Xúc tiến đầu tư	Phòng Xúc tiến đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	24	26	Miễn	Không Đạt	
591	QN0591	Quách Mạnh Trường	10/01/1997						Xúc tiến đầu tư	Phòng Xúc tiến đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	40	22	20	Đạt	
592	QN0592	Đinh Phương Thảo	22/11/1994						Xúc tiến đầu tư	Phòng Xúc tiến đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	46	23	24	Đạt	
593	QN0593	Trần Mạnh Tiến	01/11/1992						Xúc tiến đầu tư	Phòng Xúc tiến đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	32	23	19	Đạt	
594	QN0594	Lê Hải Long	06/09/1994						Tư vấn đầu tư	Phòng Tư vấn đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	44	29	27	Đạt	
595	QN0595	Nguyễn Minh Đức	25/09/1991						Hỗ trợ đầu tư	Phòng Hỗ trợ đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	49	23	22	Đạt	
596	QN0596	Phạm Thị Thu Hằng	10/07/1988						Hỗ trợ đầu tư	Phòng Hỗ trợ đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	40	26	26	Đạt	
597	QN0597	Nguyễn Thị Ngọc Mai	27/06/1997						Hỗ trợ đầu tư	Phòng Hỗ trợ đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	32	23	18	Đạt	
598	QN0598	Lại Xuân Thành	24/09/1995						Hỗ trợ đầu tư	Phòng Hỗ trợ đầu tư	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	25	20	19	Không Đạt	



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
599	QN0599	Mạc Thị Đăng Dung		17/02/1996				Văn phòng	Văn phòng	Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư	42	25	24	Đạt	
600	QN0600	Trần Thị Hồng Nhung		07/3/1992				Hành chính - Tổng hợp kiêm Thủ quỹ	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp	Trường Cao đẳng Việt - Hàn	23	15	7	Không Đạt	
601	QN0601	Nguyễn Thị Hường		26/8/1991				Kế toán	Phòng Kế hoạch - Tổng hợp	Trường Cao đẳng Việt - Hàn	46	19	15	Đạt	
602	QN0602	Nguyễn Thị Châm		08/08/1987				Công tác phong trào		Hội Chữ Thập đỏ	44	21	19	Đạt	
603	QN0603	Đặng Thị Mai Phương		01/05/1994				Công tác phong trào		Hội Chữ Thập đỏ	31	19	13	Không Đạt	
604	QN0604	Đỗ Đức Hoàng Trung	22/03/1993					Công tác phong trào		Hội Chữ Thập đỏ	48	26	19	Đạt	
605	QN0605	Lương Thị Trà Mi		03/11/1988				Công tác tuyên truyền, vận động		Hội Chữ Thập đỏ	34	18	22	Đạt	
606	QN0606	Bùi Thị Hà Ngân		24/02/1996				Công tác tuyên truyền, vận động		Hội Chữ Thập đỏ	37	21	18	Đạt	
607	QN0607	Đặng Quế Nhu		15/05/1995				Công tác tuyên truyền, vận động		Hội Chữ Thập đỏ	35	22	25	Đạt	
608	QN0608	Nguyễn Thị Thanh Thủy		17/4/1995				Chuyên viên làm công tác tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý		Hội Luật gia	46	23	24	Đạt	
609	QN0609	Đỗ Thị Hồng Hoa		19/9/1996				Chuyên viên làm công tác tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý		Hội Luật gia	40	21	24	Đạt	
610	QN0610	Vũ Đăng Dương	16/10/1997					- Xây triển khai Kế hoạch xuất bản Bản tin khoa học và kỹ thuật; Thu nhập, tiếp nhận xử lý tin, bài đề đăng Bản tin KH&KT và Cổng thông tin điện tử; Theo dõi, phát triển hội viên, hội thành viên của Liên hiệp Hội Quảng Ninh; - Tham mưu triển khai xét chọn tôn vinh trí thức tiêu biểu và tham gia triển khai Hội thi, Cuộc thi, Giải thưởng về Khoa học và Công nghệ. - Tổng hợp, xây dựng các báo cáo định kỳ, đột xuất và báo cáo chuyên đề của Liên hiệp Hội - Quản trị mạng, Cổng thông tin của Liên hiệp Hội		Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	31	22	18	Đạt	
611	QN0611	Đỗ Thủy Linh		12/11/1996				- Xây triển khai Kế hoạch xuất bản Bản tin khoa học và kỹ thuật; Thu nhập, tiếp nhận xử lý tin, bài đề đăng Bản tin KH&KT và Cổng thông tin điện tử; Theo dõi, phát triển hội viên, hội thành viên của Liên hiệp Hội Quảng Ninh; - Tham mưu triển khai xét chọn tôn vinh trí thức tiêu biểu và tham gia triển khai Hội thi, Cuộc thi, Giải thưởng về Khoa học và Công nghệ. - Tổng hợp, xây dựng các báo cáo định kỳ, đột xuất và báo cáo chuyên đề của Liên hiệp Hội - Quản trị mạng, Cổng thông tin của Liên hiệp Hội		Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	50	23	23	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2			3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
612	QN0612	Nguyễn Thị Huyền Trang		01/1/1986				- Xây triển khai Kế hoạch xuất bản Bản tin khoa học và kỹ thuật; Thu nhập, tiếp nhận xử lý tin, bài để đăng Bản tin KH&KT và Công thông tin điện tử; Theo dõi, phát triển hội viên, hội thành viên của Liên hiệp Hội Quảng Ninh; - Tham mưu triển khai xét chọn tôn vinh trí thức tiêu biểu và tham gia triển khai Hội thi, Cuộc thi, Giải thưởng về Khoa học và Công nghệ. - Tổng hợp, xây dựng các báo cáo định kỳ, đột xuất và báo cáo chuyên đề của Liên hiệp Hội - Quản trị mạng, Công thông tin của Liên hiệp Hội		Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	35	25	22	Đạt	
613	QN0613	Lý Hoài Thương		25/05/1986				Kế toán viên		Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi tỉnh	37	21	20	Đạt	
614	QN0614	Vũ Ngọc Đạt		09/10/1994				Theo dõi hoạt động nghiệp vụ và thực hiện Quy định đạo đức nghề nghiệp của hội viên nhà báo		Hội Nhà báo	43	22	27	Đạt	
615	QN0615	Tổng Thị Thanh Thủy		17/05/1986				Nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ	Trường Mầm non Cộng Hoà	UBND thành phố Cẩm Phả	39	19	18	Đạt	
616	QN0616	Phan Thị Thuý Ninh		29/12/1983	Con đẻ người nhiệm CĐHH			Nhân viên Kế toán kiêm Văn thư	Trường TH&THCS Cẩm Hải	UBND thành phố Cẩm Phả	42	25	23	Đạt	
617	QN0617	Vương Thị Thuý		28/6/1986				Nhân viên Kế toán kiêm Văn thư	Trường TH&THCS Cẩm Hải	UBND thành phố Cẩm Phả	36	23	14	Không Đạt	
618	QN0618	Vũ Thanh Huyền		20/04/1981				Nghiệp vụ du lịch và quản trị hoạt động du lịch	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Cẩm Phả	31	22	18	Đạt	
619	QN0619	Hoàng Thị Thanh Nhân		01/6/1990				Nghiệp vụ thông tin truyền, cổ động	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Cẩm Phả	39	15	18	Đạt	
620	QN0620	Đào Ngọc Linh		08/6/1987				Nghiệp vụ Văn hóa Văn nghệ	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Cẩm Phả	41	23	24	Đạt	
621	QN0621	Nguyễn Thuý Dung		25/01/1986				Biên tập viên	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Cẩm Phả	30	24	16	Đạt	
622	QN0622	Vũ Bảo Long		10/12/1991				Phóng viên	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Cẩm Phả	51	23	23	Đạt	
623	QN0623	Nguyễn Công Sơn		18/07/1994				Phóng viên	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Cẩm Phả	44	20	25	Đạt	
624	QN0624	Vũ Duy Tâm		08/9/1966				Phóng viên	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Cẩm Phả	32	14	14	Không Đạt	
625	QN0625	Trần Thị Hà		08/5/1988	Con TB; Con người nhiệm CĐHH			Y tế dự phòng	Trạm Y tế phường Cẩm Tây	UBND thành phố Cẩm Phả	37	18	21	Đạt	
626	QN0626	Quách Thị Hà Giang		01/10/1988				Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế phường Cẩm Bình	UBND thành phố Cẩm Phả	36	20	18	Đạt	
627	QN0627	Nguyễn Quỳnh Trang		11/04/1994				Thực hiện nhiệm vụ Kế toán cho các Trạm y tế trên địa bàn thành phố	Trạm Y tế phường Cẩm Thành	UBND thành phố Cẩm Phả	24	20	19	Không Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
628	QN0628	Vũ Thị Nha Trang		31/12/1981	Con thương binh (đã chết)		x	Thực hiện nhiệm vụ Kế toán cho các Trạm y tế trên địa bàn thành phố	Trạm Y tế phường Cẩm Thành	UBND thành phố Cẩm Phả	43	Miễn	18	Đạt	
629	QN0629	Nguyễn Thị Tuyền		20/10/1987				Thực hiện nhiệm vụ Kế toán cho các Trạm y tế trên địa bàn thành phố	Trạm Y tế phường Cẩm Thành	UBND thành phố Cẩm Phả	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
630	QN0630	Nguyễn Thị Thuý		25/11/1979				Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế phường Cẩm Sơn	UBND thành phố Cẩm Phả	31	15	15	Đạt	
631	QN0631	Phạm Hồng Tuấn	28/10/1989				x	Công nghệ thông tin cho các Trạm y tế trên địa bàn thành phố	Trạm Y tế phường Cửa Ông	UBND thành phố Cẩm Phả	39	Miễn	23	Đạt	
632	QN0632	Nguyễn Văn Linh	23/11/1987					Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế phường Móng Dương	UBND thành phố Cẩm Phả	40	18	19	Đạt	
633	QN0633	Trần Thanh Huyền		20/8/1991				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Việt Hưng	UBND thành phố Hạ Long	44	14	18	Không Đạt	
634	QN0634	Trần Việt Hà		29/7/1996				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Việt Hưng	UBND thành phố Hạ Long	24	15	13	Không Đạt	
635	QN0635	Nguyễn Thị Mai Chi		14/01/1997				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Giếng Đáy	UBND thành phố Hạ Long	35	19	18	Đạt	
636	QN0636	Mai Thị Phương		20/9/1983				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Giếng Đáy	UBND thành phố Hạ Long	31	15	18	Đạt	
637	QN0637	Phạm Thị Văn Anh		28/9/1988				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Hồng Hải	UBND thành phố Hạ Long	39	17	16	Đạt	
638	QN0638	Nguyễn Thị Dung		12/6/1990				Nhân viên Kế toán	Trường mầm non Cao Xanh	UBND thành phố Hạ Long	37	18	19	Đạt	
639	QN0639	Trần Thủy Anh		07/01/1992				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Cao Thắng	UBND thành phố Hạ Long	42	15	22	Đạt	
640	QN0640	Hứa Thị Quỳnh Mai		23/04/1987				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Tuần Châu	UBND thành phố Hạ Long	26	15	17	Không Đạt	
641	QN0641	Nguyễn Thị Ngân		06/9/1989				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Bãi Cháy	UBND thành phố Hạ Long	44	13	25	Không Đạt	
642	QN0642	Nguyễn Thị Thanh Thủy		01/03/1982				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Bãi Cháy	UBND thành phố Hạ Long	31	18	18	Đạt	
643	QN0643	Nguyễn Thị Nga		06/03/1983				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Hoa Lan	UBND thành phố Hạ Long	37	18	18	Đạt	
644	QN0644	Vũ Thị Nhung		01/01/1982				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Hạ Long	UBND thành phố Hạ Long	37	15	17	Đạt	
645	QN0645	Hoàng Thị Hồng		10/10/1986	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH			Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Mầm non Hạ Long	UBND thành phố Hạ Long	39	16	21	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
646	QN0646	Nguyễn Thị Thu Hằng		22/07/1987				Nhân viên kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường Tiểu học Hà Khẩu	UBND thành phố Hạ Long	32	16	20	Đạt	
647	QN0647	Đinh Thị Thu Hằng		07/8/1981				Nhân viên Thư viện - Thiết bị	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	UBND thành phố Hạ Long	30	18	21	Đạt	
648	QN0648	Trần Thị Thu		30/01/1990				Nhân viên Thư viện	Trường THCS Đại Yên	UBND thành phố Hạ Long	46	18	20	Đạt	
649	QN0649	Hà Thị Lệ Quyên		03/7/1988				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Việt Hưng	UBND thành phố Hạ Long	27	15	19	Không Đạt	
650	QN0650	Nguyễn Thị Diệp Anh		31/10/1989				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Cao Thắng	UBND thành phố Hạ Long	31	21	26	Đạt	
651	QN0651	Bùi Thu Hằng		08/01/1990				Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường THCS Cao Thắng	UBND thành phố Hạ Long	42	21	15	Đạt	
652	QN0652	Bùi Thị Hòa		17/11/1983				Nhân viên kế toán	Trường THCS Hà Trung	UBND thành phố Hạ Long	36	17	18	Đạt	
653	QN0653	Nguyễn Thị Thu Hường		10/11/1988			x	Nhân viên Công nghệ thông tin	Trường THCS Hà Trung	UBND thành phố Hạ Long	28	Miễn	18	Không Đạt	
654	QN0654	Vũ Thị Thúy		07/03/1983	Con thương binh		x	Nhân viên Công nghệ thông tin	Trường THCS Hà Trung	UBND thành phố Hạ Long	32	Miễn	11	Không Đạt	
655	QN0655	Nguyễn Thị Hương		28/10/1986			x	Nhân viên Thư viện kiểm thiết bị	Trường THCS Trọng Điểm	UBND thành phố Hạ Long	41	Miễn	22	Đạt	
656	QN0656	Đàm Thị Thúy		28/9/1990			x	Nhân viên Kế toán kiểm Văn thư hành chính	Trường TH&THCS Hùng Thắng	UBND thành phố Hạ Long	39	16	Miễn	Đạt	
657	QN0657	Phạm Thị Thu Hà		20/07/1986				Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế phường Hà Khánh	UBND thành phố Hạ Long	30	15	15	Đạt	
658	QN0658	Đào Xuân Long	10/12/1986					Y tế dự phòng	Trạm Y tế phường Hồng Hà	UBND thành phố Hạ Long	39	17	10	Không Đạt	
659	QN0659	Đỗ Thị Hường		30/11/1985				Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm y tế phường Hà Trung	UBND thành phố Hạ Long	38	21	16	Đạt	
660	QN0660	Vũ Thị Ninh		15/12/1991				Phòng viên	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Móng Cái	31	23	21	Đạt	
661	QN0661	Nguyễn Đăng Tuấn	25/02/1989					Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	UBND thành phố Móng Cái	40	18	15	Đạt	
662	QN0662	Phùng Thị Hà Giang	28/10/1993					Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	UBND thành phố Móng Cái	37	15	15	Đạt	
663	QN0663	Dương Đức Nghiêm	08/10/1996		Dân tộc Tày			Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	UBND thành phố Móng Cái	26	15	12	Không Đạt	
664	QN0664	Đồng Quang Cường	27/11/1985					Nghiệp vụ kỹ thuật, dịch vụ chăn nuôi, thú y	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật Nông nghiệp	UBND thành phố Móng Cái	18	13	19	Không Đạt	
665	QN0665	Mai Thị Phương Thảo		03/01/1995	Dân tộc Tày			Nghiệp vụ kỹ thuật, dịch vụ chăn nuôi, thú y	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật Nông nghiệp	UBND thành phố Móng Cái	35	19	17	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
								Nghiệp vụ kỹ thuật, dịch vụ chăn nuôi, thú y	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật Nông nghiệp	UBND thành phố Móng Cái	27	8	6	Không Đạt	
666	QN0666	Bùi Quang Việt	04/03/1987					Nghiệp vụ kỹ thuật, dịch vụ chăn nuôi, thú y	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật Nông nghiệp	UBND thành phố Móng Cái	34	17	19	Đạt	
667	QN0667	Nguyễn Đình Dũng	25/10/1977					Quản lý rừng phòng hộ	Ban quản lý rừng phòng hộ	UBND thành phố Móng Cái	24	9	Bỏ thi	Không Đạt	
668	QN0668	Tăng Quốc Phong	20/11/1994		Dân tộc Dao			lập biên bản thu phí xử lý vi phạm về trật tự đô thị	Đội kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	UBND thành phố Móng Cái	37	19	19	Đạt	
669	QN0669	Dương Mạnh Hà	29/10/1989					Nghiệp vụ du lịch	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Uông Bí	32	17	19	Đạt	
670	QN0670	Nguyễn Hà Ngân		22/10/1988				Nghiệp vụ du lịch	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Uông Bí	43	19	Miễn	Đạt	
671	QN0671	Đỗ Thị Bích Ngọc		02/8/1990	Dân tộc Tây	x		Phóng viên	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thành phố Uông Bí	38	17	17	Đạt	
672	QN0672	Phan Thị Mai Hương		15/11/1988				Về khám bệnh, chữa bệnh, kết hợp, ứng dụng y học cổ truyền trong phòng bệnh và chữa bệnh	Trạm Y tế phường Quang Trung	UBND thành phố Uông Bí	55	19	19	Đạt	
673	QN0673	Vũ Thị Thủy		28/10/1985				Về khám bệnh, chữa bệnh, kết hợp, ứng dụng y học cổ truyền trong phòng bệnh và chữa bệnh	Trạm Y tế phường Quang Trung	UBND thành phố Uông Bí	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
674	QN0674	Phạm Thị Xuân		12/02/1994				Nghiệp vụ kỹ thuật, dịch vụ trồng trọt, bảo vệ thực vật	Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	UBND thành phố Uông Bí	31	18	19	Đạt	
675	QN0675	Phạm Thị Như Quỳnh		21/12/1997				Nghiệp vụ kỹ thuật, dịch vụ trồng trọt, bảo vệ thực vật	Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	UBND thành phố Uông Bí	42	27	25	Đạt	
676	QN0676	Đặng Thị Hương		03/11/1983				Nghiệp vụ kỹ thuật, dịch vụ chăn nuôi, thú y	Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	UBND thành phố Uông Bí	44	26	24	Đạt	
677	QN0677	Lương Ngọc Minh	13/10/1989					Khám bệnh, chữa bệnh; Chăm sóc sức khỏe sinh sản, An toàn vệ sinh thực phẩm	Trạm y tế phường Hưng Đạo	UBND thị xã Đông Triều	34	13	23	Không Đạt	
678	QN0678	Nguyễn Huyền Thương		09/8/1990				Lập biên bản thu phí xử lý vi phạm về trật tự đô thị	Đội Kiểm tra trật tự và môi trường đô thị	UBND thị xã Đông Triều	26	16	16	Không Đạt	
679	QN0679	Trần Thủy Anh		12/2/1992				Lập biên bản thu phí xử lý vi phạm về trật tự đô thị	Đội Kiểm tra trật tự và môi trường đô thị	UBND thị xã Đông Triều	44	25	25	Đạt	
680	QN0680	Phạm Hoàng Đức	18/4/1993					Lập biên bản thu phí xử lý vi phạm về trật tự đô thị	Đội Kiểm tra trật tự và môi trường đô thị	UBND thị xã Đông Triều	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
681	QN0681	Nguyễn Văn Tuấn	17/1/1989					Lập biên bản thu phí xử lý vi phạm về trật tự đô thị	Đội Kiểm tra trật tự và môi trường đô thị	UBND thị xã Đông Triều	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
682	QN0682	Trịnh Thị Vân		23/12/1993				Kiểm tra trật tự đô thị, giao thông	Đội Kiểm tra trật tự và môi trường đô thị	UBND thị xã Đông Triều	50	22	15	Đạt	
683	QN0683	Phạm Thị Anh		08/10/1995				Kiểm tra trật tự đô thị, giao thông	Đội Kiểm tra trật tự và môi trường đô thị	UBND thị xã Đông Triều	48	26	28	Đạt	
684	QN0684	Đỗ Anh Đại	29/5/1993					Kiểm tra trật tự đô thị, giao thông	Đội Kiểm tra trật tự và môi trường đô thị	UBND thị xã Đông Triều	Bỏ thi	Miễn	Bỏ thi	Không Đạt	
685	QN0685	Vũ Văn Hà	28/8/1984				x								

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
686	QN0686	Lê Văn Hiếu	23/3/1995					Kiểm tra trật tự đô thị, giao thông	Đội Kiểm tra trật tự và môi trường đô thị	UBND thị xã Đông Triều	33	19	24	Đạt	
687	QN0687	Nguyễn Văn Học	22/6/1983					Kiểm tra trật tự đô thị, giao thông	Đội Kiểm tra trật tự và môi trường đô thị	UBND thị xã Đông Triều	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
688	QN0688	Nguyễn Trung Kiên	16/12/1994					Kiểm tra trật tự đô thị, giao thông	Đội Kiểm tra trật tự và môi trường đô thị	UBND thị xã Đông Triều	38	25	28	Đạt	
689	QN0689	Nguyễn Đình Thế	06/9/1988					Kiểm tra trật tự đô thị, giao thông	Đội Kiểm tra trật tự và môi trường đô thị	UBND thị xã Đông Triều	40	19	22	Đạt	
690	QN0690	Nguyễn Tùng Hải	06/09/1994					Huấn luyện viên	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thị xã Quảng Yên	43	24	26	Đạt	
691	QN0691	Nguyễn Văn Thoại	03/01/1986					Huấn luyện viên	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thị xã Quảng Yên	45	20	24	Đạt	
692	QN0692	Nguyễn Thị Thái		04/6/1990				Phát thanh viên	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thị xã Quảng Yên	29	22	21	Không Đạt	
693	QN0693	Thái Thị Thanh Thủy		30/8/1983				Thư viện viên	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thị xã Quảng Yên	49	25	23	Đạt	
694	QN0694	Nguyễn Mạnh Linh	30/11/1996					Hướng dẫn viên du lịch	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND thị xã Quảng Yên	46	25	25	Đạt	
695	QN0695	Đỗ Xuân Thành	05/01/1991					Khám, chữa bệnh	Trạm y tế xã Cẩm La	UBND thị xã Quảng Yên	38	21	22	Đạt	
696	QN0696	Ngô Thị Kiều Oanh		29/10/1993				Thực hiện y lệnh	Trạm y tế xã Cẩm La	UBND thị xã Quảng Yên	34	19	22	Đạt	
697	QN0697	Nguyễn Văn Sinh	09/08/1987					Khám, chữa bệnh	Trạm y tế xã Liên Hòa	UBND thị xã Quảng Yên	33	21	21	Đạt	
698	QN0698	Trần Thị Quỳnh Mai		20/6/1996				Cấp, phát thuốc	Trạm y tế xã Sông Khoai	UBND thị xã Quảng Yên	35	20	22	Đạt	
699	QN0699	Vũ Thanh Đàm	25/7/1991					Khám, chữa bệnh	Trạm y tế xã Sông Khoai	UBND thị xã Quảng Yên	47	26	25	Đạt	
700	QN0700	Lê Hữu Phước	12/02/1984		Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự			Khám, chữa bệnh	Trạm y tế xã Hiệp Hòa	UBND thị xã Quảng Yên	30	20	23	Đạt	
701	QN0701	Trần Thị Đức		15/6/1987				Thụ lý và giải quyết hồ sơ đất đai trên địa bàn thị xã	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	UBND thị xã Quảng Yên	30	19	22	Đạt	
702	QN0702	Nguyễn Thị Thúy Hằng		15/6/1994				Thụ lý và giải quyết hồ sơ đất đai trên địa bàn thị xã	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	UBND thị xã Quảng Yên	36	20	22	Đạt	
703	QN0703	Lê Quang Tĩnh	24/02/1989					Thụ lý và giải quyết hồ sơ đất đai trên địa bàn thị xã	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	UBND thị xã Quảng Yên	42	18	18	Đạt	
704	QN0704	Nguyễn Thế Hậu	03/5/1976					Nghiệp vụ văn hóa, văn nghệ	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Ba Chẽ	17	23	18	Không Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
705	QN0705	Ninh Thị Luyện		08/8/1997	Dân tộc Sán chỉ	x		Nghiep vụ văn hóa, văn nghệ	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Ba Chẽ	29	15	Miễn	Không Đạt	
706	QN0706	Bùi Đình Duyên	12/01/1977					Nghiep vụ văn hóa, văn nghệ	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Ba Chẽ	39	17	18	Đạt	
707	QN0707	Triệu Thị Phương Vy		28/7/1997	Dân tộc Dao	x		Nghiep vụ văn hóa, văn nghệ	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Ba Chẽ	38	17	Miễn	Đạt	
708	QN0708	Chịu A Ba	10/02/1992		Dân tộc Dao	x		Quản lý môi trường đô thị, vệ sinh môi trường, công tác BVMT trong hoạt động xây dựng,...	Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	UBND huyện Ba Chẽ	26	16	Miễn	Không Đạt	
709	QN0709	Vy Văn Hưng	05/12/1992		Dân tộc Tày	x		Quản lý môi trường đô thị, vệ sinh môi trường, công tác BVMT trong hoạt động xây dựng,...	Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	UBND huyện Ba Chẽ	Bỏ thi	Bỏ thi	Miễn	Không Đạt	
710	QN0710	Nguyễn Thanh Tùng	26/01/1995					Quản lý môi trường đô thị, vệ sinh môi trường, công tác BVMT trong hoạt động xây dựng,...	Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	UBND huyện Ba Chẽ	35	24	18	Đạt	
711	QN0711	Ninh Văn Mạnh	29/4/1987		Dân tộc Sán chỉ	x		Quản lý trật tự hành lang ATGT, kiểm tra trật tự đô thị.	Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	UBND huyện Ba Chẽ	31	25	Miễn	Đạt	
712	QN0712	Triệu Tiến Thông	14/02/1985		Dân tộc Dao	x		Quản lý trật tự hành lang ATGT, kiểm tra trật tự đô thị.	Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	UBND huyện Ba Chẽ	45	23	Miễn	Đạt	
713	QN0713	Phan Thanh Sơn	08/02/1988			x	x	Kiểm tra trật tự đô thị, giao thông, xây dựng, môi trường	Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	UBND huyện Ba Chẽ	41	Miễn	Miễn	Đạt	
714	QN0714	Vũ Văn Hiệp	27/3/1988					Kế toán, hành chính: Thanh toán lương, bảo hiểm, các chế độ khác; Quản lý văn bản, nhận và phát hành văn bản.	Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	UBND huyện Ba Chẽ	30	21	15	Đạt	
715	QN0715	Phạm Thùy Linh		11/12/1992				Kế toán, hành chính: Thanh toán lương, bảo hiểm, các chế độ khác; Quản lý văn bản, nhận và phát hành văn bản.	Đội Kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	UBND huyện Ba Chẽ	41	25	17	Đạt	
716	QN0716	Lê Minh Huân	12/4/1990					Quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ	Ban quản lý rừng phòng hộ	UBND huyện Ba Chẽ	31	26	20	Đạt	
717	QN0717	Hoàng Văn Phương	05/01/1986		Dân tộc Dao	x		Quản lý Dự án Lâm nghiệp	Ban quản lý rừng phòng hộ	UBND huyện Ba Chẽ	21	25	Miễn	Không Đạt	
718	QN0718	Nguyễn Thị Thanh Huyền		15/4/1992				Nghiep vụ kỹ thuật, dịch vụ chăn nuôi	Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	UBND huyện Ba Chẽ	38	27	18	Đạt	
719	QN0719	Lương Hải Dương	14/11/1988		Dân tộc Tày	x		Nghiep vụ thể dục thể thao	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	18	24	Miễn	Không Đạt	
720	QN0720	Lý Văn Cường	08/12/1986		Dân tộc Tày; Con thương binh hạng 4/4	x		Nghiep vụ thể dục thể thao	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	32	17	Miễn	Đạt	
721	QN0721	Lài Thím Cường	28/5/1987		Dân tộc Tày	x		Nghiep vụ thể dục thể thao	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	33	25	Miễn	Đạt	
722	QN0722	Giáp Đại Cường	07/10/1988		Dân tộc Tày	x		Nghiep vụ thể dục thể thao	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	29	21	Miễn	Không Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1			4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
723	QN0723	Lý Mạnh Tuấn	21/3/1990		Dân tộc Tày	x		Nghiep vụ thể dục thể thao	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	32	24	Miễn	Đạt	
724	QN0724	Hoàng Thị Đẹp		16/9/1987	Dân tộc Tày	x		Kế toán	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	32	10	Miễn	Không Đạt	
725	QN0725	Nông Thị Bình		12/10/1980	Dân tộc Tày	x		Kế toán	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	20	20	Miễn	Không Đạt	
726	QN0726	Vì Thị Thắng		15/01/1993	Dân tộc Tày	x		Kế toán	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	36	25	Miễn	Đạt	
727	QN0727	La Thị Phúc		23/6/1991	Dân tộc Sán chỉ	x		Kế toán	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	36	18	Miễn	Đạt	
728	QN0728	Hoàng Thị Thúy		07/02/1996	Dân tộc Tày	x		Kế toán	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	Bỏ thi	Bỏ thi	Miễn	Không Đạt	
729	QN0729	Lục Minh Dũng	26/6/1989		Dân tộc Tày	x		Kỹ thuật phát thanh truyền hình	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	38	14	Miễn	Không Đạt	
730	QN0730	Vì Xuân Bằng	27/8/1986		Dân tộc Tày	x	x	Kỹ thuật âm thanh ánh sáng	Trung tâm Truyền thông và văn hóa	UBND huyện Bình Liêu	40	Miễn	Miễn	Đạt	
731	QN0731	Nông Thị Hà		26/12/1989	Dân tộc Tày	x		Nghiep vụ kỹ thuật dịch vụ khuyến nông	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	UBND huyện Bình Liêu	43	15	Miễn	Đạt	
732	QN0732	Vì Xuân Đại	07/5/1991		Dân tộc Tày	x		Nghiep vụ kỹ thuật dịch vụ khuyến nông	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	UBND huyện Bình Liêu	43	21	Miễn	Đạt	
733	QN0733	Hà Văn Chiêu	20/8/1991		Dân tộc Tày	x		Nghiep vụ kỹ thuật dịch vụ khuyến nông	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	UBND huyện Bình Liêu	30	12	Miễn	Không Đạt	
734	QN0734	Lương Mạnh Tuấn	01/8/1992		Dân tộc Tày	x		Quản lý cơ sở dữ liệu đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Bình Liêu	Bỏ thi	Bỏ thi	Miễn	Không Đạt	
735	QN0735	Vì Văn Thanh	06/7/1993		Dân tộc Tày	x		Quản lý cơ sở dữ liệu đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Bình Liêu	37	21	Miễn	Đạt	
736	QN0736	Bùi Bạch Tùng	13/5/1991		Dân tộc Tày	x		Quản lý cơ sở dữ liệu đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Bình Liêu	Bỏ thi	Bỏ thi	Miễn	Không Đạt	
737	QN0737	Ninh Thị Vân		07/8/1995	Dân tộc Tày	x		Quản lý cơ sở dữ liệu đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Bình Liêu	26	23	Miễn	Không Đạt	
738	QN0738	Lý Thị Thu Ngân		15/8/1995	Dân tộc Tày	x		Quản lý cơ sở dữ liệu đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Bình Liêu	34	20	Miễn	Đạt	
739	QN0739	Hoàng Mạnh Tùng	11/10/1994		Dân tộc Tày	x		Quản lý cơ sở dữ liệu đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Bình Liêu	14	19	Miễn	Không Đạt	
740	QN0740	Vì Hồng Dũng	17/4/1988		Dân tộc Tày	x		Quản lý cơ sở dữ liệu đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Bình Liêu	32	18	Miễn	Đạt	
741	QN0741	Ngô Thị Thu Hằng		21/02/1996	Dân tộc Tày	x		Quản lý cơ sở dữ liệu đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Bình Liêu	32	22	Miễn	Đạt	
742	QN0742	Vì Tiến Cường	30/10/1985		Dân tộc Tày	x		Quản lý cơ sở dữ liệu đất đai	Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Bình Liêu	33	19	Miễn	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
743	QN0743	Lê Văn Minh	03/10/1974					Trực tiếp quản lý hệ thống kỹ thuật chuyển tiếp sóng, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Cô Tô	36	17	18	Đạt	
744	QN0744	Bùi Thị Hồng Nhung		04/7/1992				Trực tiếp hướng dẫn quần chúng tham gia một trong các hoạt động của thiết chế văn hóa.	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Cô Tô	37	19	17	Đạt	
745	QN0745	Đặng Minh Hải		03/02/1992				Phóng viên	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Đầm Hà	41	20	12	Không Đạt	
746	QN0746	Ngô Hùng Hải	10/10/1988		Con Bệnh binh			Quản lý xây dựng đô thị	Đội kiểm tra trật tự đô thị	UBND huyện Đầm Hà	42	19	18	Đạt	
747	QN0747	Bùi Thị Mai Phương		01/9/1995				Nghiệp vụ kỹ thuật; Chăn nuôi - Thú y	Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	UBND huyện Đầm Hà	38	22	18	Đạt	
748	QN0748	Lý Công Pầu	10/5/1985		Dân tộc Sán Dìu			Bồi thường giải phóng mặt bằng	Trung tâm Phát triển quỹ đất	UBND huyện Đầm Hà	30	18	13	Không Đạt	
749	QN0749	Đinh Tiến Quang	18/8/1996					Quản lý đầu tư	Trung tâm Phát triển quỹ đất	UBND huyện Đầm Hà	46	18	17	Đạt	
750	QN0750	Đinh Văn Thọ	26/6/1989					Quản lý đầu tư	Trung tâm Phát triển quỹ đất	UBND huyện Đầm Hà	38	18	17	Đạt	
751	QN0751	Lê Thị Hồng Nhung		03/8/1992				Quay phim, chụp ảnh, viết tin, phỏng sự	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Hải Hà	37	21	21	Đạt	
752	QN0752	Đỗ Thành Thắng	07/07/1994					Quay phim, chụp ảnh, viết tin, phỏng sự	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Hải Hà	38	16	13	Không Đạt	
753	QN0753	Trần Thị Trinh		26/9/1988	Dân tộc Tày			Quay phim, chụp ảnh, viết tin, phỏng sự	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Hải Hà	41	19	17	Đạt	
754	QN0754	Lưu Văn Đệ	31/01/1991					Kỹ thuật trực máy, phát chương trình màn hình LED	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Hải Hà	31	24	16	Đạt	
755	QN0755	Nguyễn Thị Liên		20/11/1989				Thông tin, quảng bá du lịch	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Hải Hà	38	20	16	Đạt	
756	QN0756	Hoàng Thị Nga		20/01/1997	Dân tộc Tày			Thông tin, quảng bá du lịch	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Hải Hà	35	17	13	Không Đạt	
757	QN0757	Đinh Khắc Cường	19/09/1995					Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Hải Hà	38	23	20	Đạt	
758	QN0758	Đặng Quốc Huy	04/10/1995					Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Hải Hà	30	17	12	Không Đạt	
759	QN0759	Nguyễn Tiến Lâm	07/01/1980					Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Hải Hà	38	18	17	Đạt	
760	QN0760	Phạm Thị Thanh Mai		11/11/1997				Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Hải Hà	19	19	21	Không Đạt	
761	QN0761	Phan Thị Như Ngọc		19/05/1983				Đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất	UBND huyện Hải Hà	40	16	12	Không Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
						Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
762	QN0762	Vũ Huy Tùng	14/10/1989					Kỹ thuật dịch vụ nuôi trồng thủy - hải sản	Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	UBND huyện Hải Hà	40	24	19	Đạt	
763	QN0763	Trần Văn Hoàn	05/9/1995					Phóng viên (viết tin, bài; chụp ảnh, quay phim các loại tin, phóng sự, Điều tra theo phản công)	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Tiên Yên	33	16	16	Đạt	
764	QN0764	La Thị Lành		24/7/1990	Dân tộc Tày			Phóng viên (viết tin, bài; chụp ảnh, quay phim các loại tin, phóng sự, Điều tra theo phản công)	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Tiên Yên	44	19	13	Không Đạt	
765	QN0765	La Tiến Trường	29/12/1994		Dân tộc Tày			Phóng viên (viết tin, bài; chụp ảnh, quay phim các loại tin, phóng sự, Điều tra theo phản công)	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Tiên Yên	30	22	14	Không Đạt	
766	QN0766	Vũ Trần Ngọc Hoàng	04/7/1997					Đăng ký đất đai, trích lục, trích đo thửa đất	Văn phòng Đăng ký quyền Sử dụng đất	UBND huyện Tiên Yên	39	22	26	Đạt	
767	QN0767	Phùng Thị Huệ		08/11/1993	Dân tộc Dao			Đăng ký đất đai, trích lục, trích đo thửa đất	Văn phòng Đăng ký quyền Sử dụng đất	UBND huyện Tiên Yên	29	19	13	Không Đạt	
768	QN0768	Vi Quốc Hưng	01/4/1994		Dân tộc Tày			Đăng ký đất đai, trích lục, trích đo thửa đất	Văn phòng Đăng ký quyền Sử dụng đất	UBND huyện Tiên Yên	34	19	23	Đạt	
769	QN0769	Lã Thị Mạ		02/10/1993	Dân tộc Tày			Đăng ký đất đai, trích lục, trích đo thửa đất	Văn phòng Đăng ký quyền Sử dụng đất	UBND huyện Tiên Yên	40	20	16	Đạt	
770	QN0770	Lý Văn Thành	14/9/1986		Dân tộc Sán Dìu			Đăng ký đất đai, trích lục, trích đo thửa đất	Văn phòng Đăng ký quyền Sử dụng đất	UBND huyện Tiên Yên	40	15	16	Đạt	
771	QN0771	Trần Thị Thu		18/7/1991				Đăng ký đất đai, trích lục, trích đo thửa đất	Văn phòng Đăng ký quyền Sử dụng đất	UBND huyện Tiên Yên	23	12	6	Không Đạt	
772	QN0772	Nguyễn Đức Cường	23/11/1995					Bồi thường, giải phóng mặt bằng	Trung tâm Phát triển quỹ đất	UBND huyện Tiên Yên	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
773	QN0773	Phùng Thị Hiền		14/7/1993	Dân tộc Dao			Bồi thường, giải phóng mặt bằng	Trung tâm Phát triển quỹ đất	UBND huyện Tiên Yên	47	23	16	Đạt	
774	QN0774	Nguyễn Quốc Tám	28/02/1993					Bồi thường, giải phóng mặt bằng	Trung tâm Phát triển quỹ đất	UBND huyện Tiên Yên	34	23	15	Đạt	
775	QN0775	Hoàng Thị Yến		24/6/1994				Bồi thường, giải phóng mặt bằng	Trung tâm Phát triển quỹ đất	UBND huyện Tiên Yên	27	16	14	Không Đạt	
776	QN0776	Ngô Thị Thu Hằng		02/10/1983				Bảo tàng kiêm Quay phim	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Văn Đồn	45	23	18	Đạt	
777	QN0777	Đào Văn Tú	27/01/1984					Thông tin, tuyên truyền, cổ động	Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	UBND huyện Văn Đồn	32	13	17	Không Đạt	
778	QN0778	Nguyễn Thị Hạnh		17/11/1984	Con Thương binh			Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế xã Đông Xá	UBND huyện Văn Đồn	26	14	14	Không Đạt	
779	QN0779	Nguyễn Đức Anh	15/02/1987					Khám bệnh, chữa bệnh	Trạm Y tế xã Thắng Lợi	UBND huyện Văn Đồn	42	14	11	Không Đạt	

Ấn định danh sách trên là 779 trường hợp./.

Ghi chú: Thí sinh có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên của 03 môn thi (trừ môn được miễn thi) thì có kết quả Đạt.

KẾT QUẢ THI TUYỂN VÒNG 1 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN TỈNH QUẢNG NINH NĂM 2019

Biểu số 02

CẤP HỌC TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Quyết định số 401/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	PT0001	Triệu Thị Linh		01/8/1991				Giáo viên Giáo dục công dân	Trường DTNT Tiên Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	39	24	14	Không Đạt	
2	PT0002	Lan Thị Xuân		24/01/1995	Dân tộc Tày	x		Giáo viên Giáo dục công dân	Trường DTNT Tiên Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	41	16	Miễn	Đạt	
3	PT0003	Hoàng Thị An		25/12/1996	Dân tộc Tày	x		Giáo viên Lịch sử	Trường DTNT Tiên Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	36	22	Miễn	Đạt	
4	PT0004	Phan Thị Minh		25/01/1996	Dân tộc Tày	x		Giáo viên Lịch sử	Trường DTNT Tiên Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	33	18	Miễn	Đạt	
5	PT0005	Vi Thị Thêu		02/5/1996	Dân tộc Tày	x		Giáo viên Lịch sử	Trường DTNT Tiên Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	39	22	Miễn	Đạt	
6	PT0006	Đinh Thị Huyền		12/6/1992		x		Giáo viên Tiếng Anh	Trường DTNT Tiên Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	37	20	Miễn	Đạt	
7	PT0007	Sén Thị Hoa		01/11/1997	Dân tộc Sán Chỉ	x		Giáo viên Vật lý	Trường DTNT Tiên Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	31	20	Miễn	Đạt	
8	PT0008	Hà Kiều Miên		07/07/1992				Giáo viên Vật lý	Trường DTNT Tiên Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	45	22	16	Đạt	
9	PT0009	Vũ Thị Hiền Anh		28/01/1995				Giáo viên Toán	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	39	23	24	Đạt	
10	PT0010	Phạm Thị Hiền		20/10/1992				Giáo viên Vật lý	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	34	22	25	Đạt	
11	PT0011	Lê Thị Hoa Quỳnh		04/10/1990		x		Giáo viên Tiếng Anh	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	41	23	Miễn	Đạt	
12	PT0012	Đào Thị Lan Trang		25/11/1988		x		Giáo viên Tiếng Anh	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	51	23	Miễn	Đạt	
13	PT0013	Hoàng Thu Hiền		21/11/1997				Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	25	17	7	Không Đạt	
14	PT0014	Bùi Hải Linh		13/09/1992				Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	34	22	9	Không Đạt	
15	PT0015	Phan Thị Minh Hà		15/4/1994			x	Giáo viên Tin học	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	38	Miễn	17	Đạt	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Đối tượng ưu tiên	Miễn thi		Vị trí việc làm	Đơn vị	Cơ quan	Số câu đúng môn Kiến thức chung	Số câu đúng môn Tin học	Số câu đúng môn Ngoại ngữ	Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ		Ngoại ngữ	Tin học								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
16	PT0016	Phạm Văn Thủy	19/12/1984				x	Giáo viên Tin học	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	36	Miễn	11	Không Đạt	
17	PT0017	Phạm Thị Thu Dung		28/06/1993				Giáo viên Sinh học	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	36	20	20	Đạt	
18	PT0018	Nguyễn Thị My		20/7/1997				Giáo viên Sinh học	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	40	23	23	Đạt	
19	PT0019	Hoàng Thu Thảo		12/9/1995				Giáo viên Sinh học	Trường THPT Chuyên Hạ Long	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bỏ thi	Bỏ thi	Bỏ thi	Không Đạt	
20	PT0020	Lê Công Dũng	22/9/1997					Giáo viên Toán	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	Sở Giáo dục và Đào tạo	32	23	19	Đạt	
21	PT0021	Nguyễn Thị Diệp		06/06/1987				Giáo viên Toán	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	Sở Giáo dục và Đào tạo	34	22	20	Đạt	
22	PT0022	Đặng Thị Tổ Uyên		03/7/1995				Giáo viên Toán	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	Sở Giáo dục và Đào tạo	53	24	24	Đạt	
23	PT0023	Bùi Văn Quyết	02/6/1990					Giáo viên Thể dục	Trường THCS&THPT Đường Hoa Cương	Sở Giáo dục và Đào tạo	39	20	19	Đạt	
24	PT0024	Ma Minh Anh		18/6/1990	Dân tộc Tày	x		Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS&THPT Hoành Mô	Sở Giáo dục và Đào tạo	50	22	Miễn	Đạt	
25	PT0025	Đặng Thị Ánh		24/10/1991				Giáo viên Giáo dục công dân	Trường THCS&THPT Hoành Mô	Sở Giáo dục và Đào tạo	32	14	7	Không Đạt	
26	PT0026	Mạ Thị Lan		02/9/1992	Dân tộc Tày	x		Giáo viên Toán	Trường THCS&THPT Hoành Mô	Sở Giáo dục và Đào tạo	37	20	Miễn	Đạt	
27	PT0027	Lô Thị Ngân		25/08/1992	Dân tộc Tày	x		Giáo viên Toán	Trường THCS&THPT Hoành Mô	Sở Giáo dục và Đào tạo	36	23	Miễn	Đạt	
28	PT0028	Tô Thị Xuân Thủy		26/10/1991	Dân tộc Tày	x		Giáo viên Toán	Trường THCS&THPT Hoành Mô	Sở Giáo dục và Đào tạo	49	26	Miễn	Đạt	
29	PT0029	Ninh Móc Trắng		24/8/1989	Dân tộc Sán Chỉ	x		Giáo viên Toán	Trường THCS&THPT Hoành Mô	Sở Giáo dục và Đào tạo	44	21	Miễn	Đạt	
30	PT0030	Phạm Thanh Bình		22/2/1990				Giáo viên Văn	Trường THCS&THPT Hoành Mô	Sở Giáo dục và Đào tạo	39	22	20	Đạt	
31	PT0031	Bùi Thị Thu		15/01/1994	Dân tộc Tày	x		Giáo viên Văn	Trường THCS&THPT Hoành Mô	Sở Giáo dục và Đào tạo	41	22	Miễn	Đạt	